

TRITÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|---|------------------------------|
| * Mấy việc khẩn cấp... | Hoa-Bằng |
| * Tùy-hứng | Bà Văn-Đài — Trần-huyền-Trần |
| * Liều mình vì nước | Trúc-Tân |
| * Văn đề tiếng ta (I) | Long-Điền |
| * Một mối tình giữa hai nhà thơ Việt-nam | Lê-Thanh |
| * Những ông nghề triều Lê (LXXV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Vũ-như-Tô (kịch lịch-sử, VIII) | Nguyễn-huy-Tướng |
| * Tin văn: mộ Nguyễn trường Tộ | Từ ngọc |
| * Lê Quýnh (1750-1805) | Tiên-Đàm |
| * Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XVIII) | Chu-Thiên |



Tòa báo: 95-97, Chancéaulme, Hanoi

Một năm 18\$00 — 6 tháng 9\$50 — 3 tháng 5\$00 — Mỗi số 0\$40

Văn-đề sưu-tập sử-liệu Việt-nam

MÀY VIỆC KHÂN-CẤP CẦN PHẢI LÀM NGAY TỪ GIỜ

HOA-BÀNG



Ở đây, báo Đông-Pháp số 5631 ra ngày 1er Février 1944 có đăng một tin: «...Đô-

đốc Decoux rất chú trọng đến lịch-sử đả-quốc Việt nam vừa giải-quyết được một vấn đề vẫn bỏ dở năm 1917 là năm lập ra sở Lưu-trữ công-văn và thư-viện, vì từ ngày ấy đến giờ, bao nhiêu tài liệu quý báu sẽ là nguồn gốc rất chắc-chắn cho lịch-sử Việt nam, vẫn không thu-thập được, đành để thất lạc vì không xếp đặt được có phương-pháp và không trông nom được đều đều.

« Nay nhờ ở sự săn sóc của đức Bảo-Đại, có thể hi-vọng rằng kinh-thành Huế sắp sưu tập được những công-văn tại thư-viện Bảo-Đại đã tổ-chức lại, dưới quyền điều-khẩn của ông Ngô đình-Nhu. »

Việc làm ấy rất hợp thời. Vì, không lúc nào cần bằng lúc này, từ Chính-phủ đến cá-nhân chúng ta cần phải cố làm, làm ngay cái việc mà bấy lâu đã nêu lên: nhặt lượm sử liệu.

Sử liệu Việt-nam? Nói đến, chúng ta không khỏi lờ-lựa cho cái nước vẫn tự mạng là có văn hiến, có lịch-sử!

Đây, một vài chứng-cớ:

Đầu trước, có vài người ngoại-

quốc trong ủy-ban Hội nghiên-cứu Phật-học sang ta khảo-cứu về thuyền-tông Việt-nam đề hồng nhò đó, họ có thể biết qua về lịch-trình Phật-học của xứ này. Vậy mà, ngoài cách mượn người sao-chép mấy cuốn sách về Phật-học của ta may còn « rớt-rát » ở trường Bác-cổ Hà nội, họ khó lòng kiếm được một *Thuyền uyển tập anh*, một *Truyền đăng lục*, một *Tam tổ thực lục*, một *Khóa-hư*.. Tôi không biết người ta, sau khi về nước, sẽ có cảm-tưởng đối với văn-hóa của nước Đại Nam này ra sao.

Lại một sự-thực chua-chải:

Một tập thơ cổ tình-cách lịch-sử, có nhiều điều quan-hệ trên trường ngoại giao của ta xưa mà trong Tri-Tân số 132 tôi đã giới-thiệu với các bạn đó, thật là một sử-lệu vô-cùng quý báu đối với chúng ta ngày nay. Vậy mà nguyên-ủy tập sách ấy lọt đến tay tôi thế nào thật có nhiều cái « hi-ký » vượt ngoài trí ta tưởng-tượng!

Tội-nghiệp! Nói ra thì đau lòng! Nhưng biết sao, vì nó là một sự-thực:

Bữa ấy, tôi đang ngồi làm việc trong một căn phòng ở nhà quê, bỗng nghe có tiếng rao: « Ai bán sách, đòi sách...? » Tinh ham học-hỏi giục tôi gọi người rao lại và

chăm chăm nhìn vào đôi bờ. Tôi cố nhẩn-nại giở từng tờ giấy cũ, sách nát dưới những lớp bụi thời-gian « ác liệt » và giữa những hơi-vị « xặc-xua phong-trần », thì thoáng một cái, hai chữ niên-hiệu « Cảnh-thịnh » (1) sò-sò trên một tờ giấy in mộc-bản màu đã hoen-ố, cũ nát và dễ xộc-lệch, lộn xộn, xô-bổ! Tôi liền cố mua cho kỳ được cái món « đồ cổ » ấy, mặc dầu sách đã thất lạc mất 19 tờ đầu. Sau khi xếp lại cho có thứ-tự và xem xét kỹ-càng thì té ra là tập « *Tinh sa kỷ hành* » của cụ Phan Huy-Ích (2), một nhà văn-học kiêm ngoại-giao đời Quang-trung (1788-1792).

Nếu hôm ấy tôi không ở nhà hoặc nếu ở nhà mà không để ý gọi mua thì một tập sách có thể giúp ích vào Quốc-sử và đáng làm tiêu-biểu về phương-diện văn hóa — từ tinh thần văn-chương đèn hình-thức ấn-loát — của một triều-đại kia đã chung số-phận với bao nhiêu sách cũ khác: phải bồi lọng, bồi sư-tử, bồi dầu rỗng ròi!

Những trường hợp như cuốn *Tinh sa kỷ hành* ấy, tôi tưởng, không phải là một chuyện lạ đối với cái buổi nhơ-học tàn-tạ này, vì trước mắt những ông đòi sách cũ và bồi lọng kia, một tập sách dù có chứa đầy sử-liệu quý giá cũng

chỉ như những tập giấy lộn khác thôi, chứ có gì là đáng yêu tiếc!

Ngoài cơ nhọc học suy-vi ra, ở ta còn có rất nhiều nguyên-nhân nó làm khó khăn và trở-ngại cho việc khảo-cứu lịch-sử nữa :

Nào đời họ Lý (1010-1224) làm họ Nguyễn, nào đục tên người ở bia đá, nào xóa niên-liệu ở chuông đồng, nào bặt bỏ cái nhan và niên-hiệu đề ở một bộ sử...

Phàm những dấu-vết của triều-dại cũ đều bị tàn-triều nổi sau làm tiêu-diệt theo cái quan-niệm đào cây đánh rễ như thế không phải là chuyện biếm thấy ở ta.

Vì vậy, vấn-đề nhật-luợm sử-liệu Việt-nam thật là trăm khó, nghìn khó!

Nhưng, «muộn còn hơn không». Từ nay ta cứ cố làm được tí nào hay tí ấy. Ngoài sự gửi hi-vọng vào Chính-phủ đương đứng sưu-tập sử-liệu như tin báo Đông-Pháp đã đáng đó, đoàn-thể tư-nhân cũng nên nghĩ làm những công việc này :

1) Phải người hoặc đến trường Bắc-cổ hoặc vào những nhà cổ gia sao-chép lấy những sách chữ nho, chữ nôm có quan-thiệp đến lịch-sử. Sau này, nếu có thể, nên in cả nguyên văn và dịch ra quốc-ngữ những sách cổ có giá trị như *Lịch-triều hiến chương* (của Phan Huy Chú) và *Phủ biên tạp lục* (của Lê Quý-Đôn), v. v.

2) Phải người đi lùng ở các thôn-quê cổ mua lấy những sử sách cũ bằng một giá đắt.

3) Đi điều-dinh với những nơi có tàng bản các sử sách cũ bằng một-bản rồi lo tính đến việc in lại.

4) Gây những cơ quan trao đổi ý-kiến với nhau về việc phiên-dịch sử, sách bằng chữ han, chữ nôm...

5) Nên đập ngay lấy những bài

Mười năm đất khách

Mười năm lần lữa đất quê người,
Ngảnh lại xuân xanh ngót nửa đời;
Mặt phấn nắng sương màu đã sạm,
Lòng son mưa gió gột rửa phai.
Muốn chôn sâu xuống hiềm không dứt
Toan đốt hờn lên sọc cháy trời.
Lặn độn giang sơn vai gánh nặng,
Bên lòng canh cánh biết bao người.

Bà VÂN ĐÀI

bia ở các đền miếu núi-non có quan-hệ đến lịch-sử rồi dịch ra cho đúng nguyên văn.

6) Xin làm việc «khai khám» (fouille) để khảo cho biết thật đích-xác những chỗ cổ-tích có dính-liu đến sử-ký, chẳng hạn như chính Đống-đa là chỗ Sầm Nghi-Đống và mấy trăm quân Thanh tử trận nay ở vào chỗ nào tại ấp Thái-hà (Tôi sẽ có bài nói kỹ về vấn-đề này).

Nếu nay kuông kíp làm mấy việc

ấy trước, thì vài mươi năm nữa, tôi không biết công-việc sưu-tập sử liệu kia sẽ khó-khăn và đáng bi-quan đến thế nào!

HOA-BẮNG

1) Nguyễn Quang-Toản là con vua Quang-Trung (1788 - 1792), cõ hai niên-hiệu: Cảnh-thịnh (1793 - 1800) và Bảo-hưng (1801 - 1802). Nhưng

khi nói về đời Cảnh-thịnh cũng có thể kể bõn cả từ 1793 đến 1802 được, là vì niên hiệu sau đổi vào khi triều Tây-sơn sắp đổ, nên không được phổ thông mấy

2) Sách này tuy mất 19 tờ đầu, tôi không được đọc tựa của tác-giả và tựa của Ngô Mi Doãn (tên tự của Ngô-Thị-Nhậm), v. v., nhưng tôi biết chắc-chắn là của cụ Phan Huy-Ích, là vì căn cứ vào lời tựa của ông con cụ Phan là Phan Huy-Quỳnh in ở cuối sách và lời thư hậu

của bạn cụ Phan là Đoàn Nguyễn Tuấn, trong đó kêu tác-giả là Phan-Ích Giự-thị (vì cụ Phan có tên hiệu là Giự am). Và, trong bài thơ kỹ-thuật việc vua Thanh Càn-long rớt rớt mời như tôi đã dịch đăng ở T. T. số 132 đó có câu nói rõ là «Lê quan hó Phan, Võ» thì Phan chính là tác-giả Phan Huy-Ích. Tôi lại so sánh năm đi sứ (canh tuất, 1790) như đã chép trong tập *Tĩnh-và ký hành* ấy với nhiều sử sách khác, thấy rất phù-hợp.

Liều mình vì nước

ĐỀN TAM-TRUNG

TRÚC-TÂN

NỮNG bức danh nhân ở đất nước ta tự cổ chí kim không phải là ít. Giở mấy trang lịch-sử Việt-nam, đi cung chiêm các miếu mộ, bị chí, chúng ta thấy trải qua các triều đại, từ đô thị chí lâm sơn, khoảng khoảng có di tích của tiền nhân đã lập nên công nghiệp lớn. Trong số ấy, những bức anh hùng chí sĩ liều mình vì nước cũng không phải là ít. Ngoài các bức hiền hách như trong sách sử như bà Trưng, bà Triệu, ông Trần-bình-Trọng, ông Nguyễn-Biêu, ông Lê-Lai, chúng ta còn thấy khoảng triều Nguyễn gần đây các ông Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu, Nguyễn-tấn-Huyền, cùng các ông Phạm-dinh-Trạc, Bùi-tăng-Huy, Phạm-văn-Lưu... Ba ông sau này, tuy danh tiếng không được lừng lẫy mấy trong đất nước, số đông bào ta biết tới không được là bao, nhưng cái khí tiết của ba ngài, vì hoàn cảnh lịch sử xui nên, rõ là ba nhà liệt sĩ Nam-Trung-Bắc liều mình vì nước, thật là tấm gương ái quốc chói rạng đáng nêu cao cho đồng bào ta rọi chung.

Đọc lịch sử Việt-Nam khoảng 1833, triều Minh-Mạng, chúng ta thấy đương hồi giặc Lê-văn-Khôi dậy loạn ở Nam-trung, có giặc Nông-văn-Vân làm náo động dân vùng thượng-du đất Bắc. Ba

nhà trung liệt kê trên đã tử tiết vào thời loạn Nông-văn-Vân vậy.

Khách hiền cổ đi tìm dấu vết tiền nhân, nếu có dịp dễ chọn tới tỉnh Cao-bằng, không thể bỏ qua không đi sang phía Đông Nam thành Cao-bằng tới làng Gia-cung, huyện Thạch-an để cung chiêm một ngôi đền xưa tạo ra từ triều Minh-Mạng, đền Tam-Trung, và thập năm hương lòng chiêm bái anh linh ba vị anh hùng vì nước quyền sinh: Phạm-dinh-Trạc, Bùi-tăng-Huy, Phạm-văn-Lưu.

Khi tiết của ba ngài thế nào, tưởng nên do sách sử đại lược nhắc ra đây mong đồng bào ta chú ý tới:

Bố chánh Bùi-tăng-Huy, tên chữ là Ngọc-Uần, quê quán theo Đại-Nam liệt truyện thì ở đạo Ninh-thuận, hiện nay là Phan-rang; mà theo Đại Nam nhất thống chí thì lại ở huyện Hòa-da, hiện nay Phan-rí, tỉnh Bình thuận. Thi đỗ cử-nhon năm Gia-Long thứ 18 (1819). Đường hoạn của ngài thật lắm chông gai, mấy phen bị giáng và trải qua khắp Trung Nam Bắc: ngài mấy lần ở Trung, khi tại triều Huế, làm Biên tu sử quán, Thị độc sung Hoàng-tử tán thiện, khi lại Hộ lý Quảng trị, Phủ-doãn Thừa-thiên. Có lượt ngài vào Nam, khi làm lại binh Gia định, khi quyền Biện trấn vụ Hà-tiên. Mấy hồi ngài ở Bắc, trước làm Tư vụ đi khám đề, rồi sau làm Bố chánh xứ Cao-bằng.

Án sát Phạm-dinh-Trạc, cũng gọi là Phạm-Trạc tên chữ là Bạt Khanh, người huyện Đường-hào, làng Liêu-xuyên, tỉnh Hải-dương, dòng dõi nhà khoa hoạn. Thi đỗ cử-nhon năm Minh-Mạng thứ hai (1821), ngài làm quan trải qua chức Hành tầu tại triều, tri huyện Hà-dông, Lang trung bộ hộ, và Ánsát xứ tỉnh Cao-lăng.

Lãnh binh Phạm-văn-Lưu, người làng Tân-bình, tỉnh Gia định. Đầu tiên nhập ngũ, lần lần lập công thăng tới chức lãnh binh tỉnh Lạng-sơn.

Nếu đời làm quan chỉ binh đi thế ấy, thì tên tuổi ba ngài đâu còn lưu lại tới ngày nay.

Tiểu truyện ba ngài được quốc sử quán chép vào Đại-Nam chính biên liệt truyện, nhị tập, quyển 40, về phần «*Trung nghĩa liệt truyện*» là vì việc tử tiết của ba ngài tại thành Cao-bằng, đáng biểu dương trong đất nước.

Năm Quý-tị Minh-Mạng thứ 14 (1833), Nông-văn-Vân, em rể Lê-văn-Khôi, khởi loạn, tụ tập hơn muôn người, thanh-thế rất mạnh. Lần lượt chiếm các tỉnh Tuyên-quang, Bắc-kạn, Thái-nguyên, Lạng-sơn, lan vào Thạch-châu, trong địa hạt tỉnh Cao-bằng. Binh lính ít, không thể chống giữ được Thạch-châu, đành phải rút lui về thành Cao-bằng cố thủ. Phạm-văn-Lưu, từ tỉnh Lạng-sơn, dẫn hơn trăm binh tới tiếp viện, cũng ở trong thành, bên ngoài binh giặc phủ vây.

Giữ thành hơn một tháng trường, trông binh cứu viện không thấy tới.

Thuốc, đạn, gạo, muối trong thành gần hết; binh giặc vây thành bốn mặt, bắn phá cô thành như mưa đổ.

Tình thế một ngày một nguy, quan bố bản với quan án, quan lãnh rằng: « Việc rất nguy cấp, thà ta chịu chết để cho toàn vẹn một thành, binh dân được sống ». Ra lệnh đặt hương án, mặc đồ triều phục, ông Bùi-tăng-Huy lạy về cửa Khuyết; làm lễ xong, ông đốt cả triều phục, bằng sắc, rồi tự tử.

Lãnh binh Phạm-văn-Lưu cũng tự vẫn theo.

Án sát Phạm-dinh-Trạc nói rằng: « Trách-nhiệm giữ phong-cương, chết là bổn-phận vậy ». Ông ra lệnh đào tuyết, lạy về cửa Khuyết, xuống huyết nham ngay ngắn, bảo người lấp đất lại và nói rằng: « Thế này, thân thể sở sanh của ta mới được toàn vẹn ».

Thế là ba vị anh hùng quyền sinh, vì giống nòi, vì tổ quốc!

Sau quan tổng đốc Bắc-ninh Tạ-quang-Cự tấn binh dẹp giặc, thấu phục lại tỉnh thành, dâng sớ thuật các việc về Triều. Vua rất thương tiếc, có lời dụ rằng: « Đương hồi sự thế nguy nan, các vị ấy thung duong tự nghĩa, không chịu sống nhục nhã, tình cảnh đáng thương. Nguyên trước bị giáng cấp lưu, nay được hoàn toàn khai phục, lại ban cấp mỗi nhà một trăm lượng bạc, cho thâu di hài vào quan quách, đem về nguyên quán chôn cất. Ra lệnh quan tỉnh chọn lựa đất cao ráo lập đền thờ, để khuyến người tận tiết, biên đề là *Tam Trung Từ* ».

Cùng một đền thờ ba nhà trung nghĩa: Phạm-dinh-Trạc ở Bắc (Hải-dương) Bùi-tăng-Huy ở Trung (Ninh - thuận), Phạm-văn-Lưu ở Nam (Gia-dinh):

Giữa lúc nước nhà loạn lạc, ba quả tim cùng rung động một nhịp, đồng hi sinh tánh mạng để bảo-vệ đồng bào bị khốn trong cớ thành, nhứt tâm đồng mẫn, tự xem cái sống lúc bấy giờ là tử ni lực, thung dung tuấn tiết để danh tự cho tổ quốc giang san!

Quý hoá thay, vẻ vang thay cho non sông Nam-Việt: anh hùng Trung, Nam, Bắc cùng thờ trong đền Tam-Trung!

Giở mấy trang lịch-sử nước nhà, tìm giọt máu đào của đồng bào gết hại đồng bào mà đau đớn khôn nhục trăm đường! Cái rạn nôi da xáo lịt, cốt nhục tương tàn, trải qua mấy thế kỷ, óc chia rẽ xô liễn nhân ta vào nạn phân tranh Nam Bắc: người vì họ Mạc, người binh họ Trịnh, người thờ họ Nguyễn, người theo Tây-sơn, gây ra mối ngờ vực, thù hiềm, chém giết lẫn nhau quên cả giống nòi máu mủ!

May thay dưng Cao-hoàng gom lại cõi bờ về một mối: Nam Trung Bắc trở lại một nhà.

Gương chói rạng nêu ba nhà chí sĩ Phạm, Bùi, Phạm, phải chăng là một kết quả công trình thống nhứt của Nguyễn-triều đã chấm dứt cuộc phân tranh Nam Bắc?

Đền trang nghiêm thờ ba bậc liệt-sĩ Nam, Trung, Bắc, phải chăng là diễm sơn đề xóa bỏ vết lợ nội-loạn của mấy trang lịch-sử Việt-nam?

Tam trung từ, một đền bõm Nam Trung Bắc.

Tam trung từ, biểu hiệu tinh-thần quốc-gia thống nhứt kiên cố của người Việt-nam.

Tam trung từ, đáng làm một

đền quốc gia của cả giống nòi Hồng-Lạc.

Sau đây xin trích lục và phiên dịch thi văn cổ quan hệ tới ba nhà trung-liệt ấy:

1) Bài thi của Án-sát Phạm-dinh-Trạc đọc trước khi tự tận, gọi về gia quyến:

*« Tân tị đông xuất thân,
Quí-tị đông thân tử.
Quán thân hữu thử thân,
Phủ ngưỡng tại nhứt kỷ.
Cầu hồ thần sự quán:
Viết trung giả tắc vị!
Cầu hồ tử sự thân:
Thọ duyên chỉ nhứt hỷ!
Khước vi thiên lý tịnh,
Sàn phụ dữ ấu tử.
Tam thập hựu tam nhựt,
Thần lực vẫn kiệt hỷ!
Bất năng thủ vương thồ,
Nguyễn tử ư vương sự.
Phiến diếu khuyết đình vân!
Chiếm vọng linh hủ dĩ... » (1)*

Diễn nôm:

*Xuất thân năm tân-tị mùa
đông (1821),
Thân mất quý-tị cũng mùa
đông (1833)!
Thân của mẹ cha của đất
nước,
Mười hai năm trường thân cúc
cung.
Làm tôi nhứt nguyện thờ quán
quốc,
Rằng trung tự xél chữa gì
trung!*

(Xem tiếp trang 20)

1) Đại Nam liệt truyện. Sự nghiệp văn chương Phạm-dinh-Trạc còn lại hai tập thi « Học ngôn thi tập » và « Họa Hồ » có ông Thương sơn Tùng thiện vương đề tự.

Một kiến-giải về

Vấn đề tiếng ta

LONG ĐIỀN

**Muốn Việt-văn có thể-thống, ta cần phải thảo-luận việc
tinh-nghĩa và việc dụng-tự trong khi viết văn**

Tiểu dẫn

Vì sao tôi viết bài này? Nhân vì ông Lê-Văn ở báo Việt Cường.

Tờ Việt Cường ra ngày 25-11-43, có bài khảo cứu chữ « mộng-hòe » trong quyển « Văn liệu từ điển » của tôi. Ông Lê-Văn, tác-giả bài đó, tưởng tôi giải nghĩa chữ « mộng-hòe » như « mộng-hùng » là sai. Tôi đã vội gửi ngay thư lên báo « Việt-Cường » ngày 29-11-43 đề đình chính kẻ sự ông Lê-Văn đã nhầm, lại làm nhầm cả quốc-dân.

« Việt-Cường » là tờ báo hằng ngày, giấy mực có hạn, tôi không dám nói dài. Nay nhân một công hai việc, vừa đề đàm-luận với ông Lê-Văn một cách kỹ càng, vừa đề trình với hải nội quán tử mấy vấn đề mà xưa nay tôi vẫn định đem ra thảo-luận đề mong được những nhà trí-thức trong nước chỉ giáo thêm cho.

Ấy là việc tinh-nghĩa và việc dụng-tự.

Việc tinh-nghĩa

Tiếng nói dùng để biểu diễn ý tưởng. Văn-tự là dấu ghi chép tiếng nói nên mỗi tiếng có một nghĩa riêng.

Tiếng nước nào cũng vậy.

Tiếng nước ta cũng thế, hiếm

vì các bậc tiên-hiền họ-giả biết dùng rất sành, nhưng không chịu xếp đặt thành qui tắc nhất-định, nên mỗi người hiểu biết một cách, hóa ra lộn-xộn.

Còn ở các nước văn-minh Âu Mỹ cái gì cũng sẵn sớ tồ-chức hẳn hoi. Họ hiểu tiếng nói của một dân tộc có quan hệ mật-thiết đến cuộc hưng, vong, tồn, diệt, nên họ lại càng sẵn-sớ tồ-chức chu đáo lắm. Họ xếp đặt biên soạn định-nghĩa, tinh-nghĩa những tiếng nói, và lập thành qui-pháp những cách dụng-cú, dụng-tự để quốc dân họ dùng cho có thể-thống.

Đến như ở nước ta, 70 năm nay được tiếp xúc với người Âu Mỹ, đáng nhẽ ta cũng nên bắt chước họ. Nhưng không. Ta chẳng sẵn-sớ, tồ-chức gì mấy về vấn đề tiếng nói của dân tộc ta, cứ ơ-hờ lãnh đạm không khác gì các cụ tiền bối xưa đối với chữ « nôm » ngày trước. Mãi gần đây, mới thấy tỉnh ngộ, hô hào nhất thống tiếng Nam cả ba kỳ, và chú ý đến việc chính tả quốc-văn.

Về năm 1929, 1930, trong báo « Phụ-nữ » ở Saigon, ông Phan-Khôi có đem ra thảo luận về việc bồi bổ quốc-văn (1) nhưng sau đó lại thôi, không ai sôi sảng theo

đuổi. Gần đây trên tạp-chí này, ông bạn Hoa-Đặng lại nhắc đến (2)

Nay nhân gặp câu chuyện « mộng hòe », tôi theo gót các vị đàn anh, gom góp một chút phần về việc xây-dựng nền quốc học, đem thảo luận việc tinh-nghĩa tiếng Nam, mà tôi đã áp-dụng một vài chữ trong quyển « Văn liệu từ điển ». Tôi mong nếu được nhiều nhà yêu quốc-văn tán thành chỉ bảo thêm cho, thì tôi sẽ đem thực hành ngay trong quyển « Văn liệu từ điển » khi nào tái bản.

Tôi xin đem ngay bài khảo cứu « mộng hòe » của ông Lê-Văn ở Việt-Cường ra ngày 25-11-43 làm bài giảng cứu, vì là câu chuyện mới xảy ra cho bợp thời.

Giấc là mộng — Trong bài của ông Lê-Văn, ông cho chữ « mộng hòe » như chữ « Giấc hòe », nghĩa là ông đã cho chữ *mộng* và *giấc* như nhau.

Không phải. Chính có phân-biệt.

Giấc là một lúc ngủ ngắn hay dài, có mộng hay không có mộng. Vậy chữ *giấc* là nghĩa phổ thông (sens général).

Mộng là một cuộc mơ tưởng sự gì trong giấc ngủ, tức là chiêm bao. Vậy *mộng* là ý hạn-định (sens déterminatif).

Ta nên tình - nghĩa
những chữ đó, đừng dùng
chữ nọ nhầm với chữ
kia.

Nay đến chữ *mộng*
hòe và *mộng hùng*.

Ông Lê-Văn vì ít gặp
chữ « *mộng hòe* », cho là
kỳ lạ, vội cho là tôi giải
nghĩa sai, và ông thấy
tác-giả chữ đó là ông
Phan-Hàn-Khanh (3) vội
cho là một người vô danh
trong làng văn, nên trong
bài khảo-cứu của ông,
ông đánh một cái dấu
hỏi bên cạnh tên tác-
giả. Cái thành-kiến « sợ
ông huyện to bụng » đó,
tôi cũng thường thấy ở
nhiều bạn thanh-niên, xin
sẽ nói ở bài « *Độc sách* ».

Mộng hòe, theo ông
Lê-Văn khảo cứu như
sau này:

« Xưa nay chưa nghe
ai nói « *mộng hòe* » là
điềm sinh con trai như
mộng hùng, thử hỏi
sách *Từ-nguyên*, *Từ-hải*
ra tra, thì quả không có
nào nói *mộng hùng* có
nghĩa như *mộng hòe* ».

« Tra chữ *hòe*, thấy
có chép thành-ngữ « *Hòe*
an mộng », theo lời giải
nghĩa thì tức là Nam Kha
mộng ».

« Đời Đường, ông Lý
Công Tá làm sách « *Nam*
Kha Ký » nói đại khái
rằng: — Thuần-Vu Phán
năm mộng tới nước
Hòe-an được vua nước
ấy gả công chúa cho

TRÚ' TỊCH

Gửi anh Giản-Chi

Chén xoong đắp chiếu ngày khè
Nửa đêm men nhạt chột nghe năm tàn
Một mình nhóm lại nỗi than
Tưởng đầu bên lửa mây ban tay hơ
Sầu chi than thở bây giờ
Vui chi sửa giọng ngâm thơ vang giới
Lòng yên như đậm đêm dài
Cớ sao nghe lên chán đời tiền nhau
Lạnh lùng toan thảo đôi câu
Nhớ ra bút lạc, nghiền đầu từ chiều
Phong phanh gió lúp veo veo
Thổi lên cơn nhớ bạn nghèo tha hương
Muốn kên này hỏi bốn phương
Những ai rồi tóc trên đường lợi danh
Vàng soi cho lóa mắt xanh
Buồng tay giờ có giật mình tay không /
Muốn kêu hỏi núi rày sông
Sông ngăn núi chặn cho lòng lạc nhau
Cái đau xa mỗi cái đau
Tưởng cầm sông núi bạc đầu lòng thơ
Muốn kêu hỏi những ngày xưa
Chán vừa lẳng cẳng tay vừa chơi vơi
Vừa còn đuổi bắt bóng đời
Mất thời tiếng khóc miệng cười còn đau
Muốn kêu này hỏi người sau
Độc thơ này có gặp nhau canh gà
Nửa đêm lớp một chén khà
Bóng soi sông rượi ngỡ là bóng ai.
Nhưng không — giữa cái đêm dài
Ta không kìa, chỉ ngậm cười với ta
Trông lên đèn đã nở hoa
Tưởng chừng trong ruột bức giá
dưng hương.

Nhà thơ ngọ — Quý mồi

TRẦN HUYỀN-TRÂN

và bỏ chức Nam Kha
thái thú, danh vị hèn
hách một thời. Sau xâm
quân đánh giặc bị thua
rồi công chúa mất. Quốc-
vương đâm ra nghi ngờ,
cách chức đi đày về, vất-
ức quá, lĩnh dạy. Thấy
nằm ở dưới gốc lêu có
một lỗ kiến to, có con
kiến cứa rất lớn. Thuần
suy - nghĩ lấy làm chán
đời, liền học đạo tu tiên
v. v. »

Cứ « *mộng hòe* » ông
Lê Văn can cứ vào điển
Hòe-an là nhầm.

Chính chữ « *mộng hòe* »
ở câu :

Mọi g *hòe* sức lĩnh canh
dài,
Phu nhân chuyển động
tâm hai đôi nơi
ở trong sách « *Sự tích*
đức Thánh-Trần » của
ông Phan Hàn - Khanh ;
phải dựa vào điển « *Tam*
Hòe » mới đúng.

Điển « *Tam hòe* » lược
như sau này :

Đời Bắc Tống có Vương
Hựu tông ba cây hòe ở
sân nói rằng: « Con
cháu ta tất có người
làm Tam công ». Vì thế
thiên hạ gọi là « *Tam hòe*
Vương thị », nghĩa là ba
cây hòe của họ Vương.
Sau con Vương Hựu là
Vương Đán quả làm đến
Tam công. (4)

Vì đức Trần Hưng-đạo
cũng làm đến Đại-vương,
(Xem tiếp trang 18)

MỘT MỐI TÌNH

giữa hai nhà thơ Việt-nam

(Hàn-mặc-tử và Mai - đình nữ - sĩ)

LÊ-THANH

Ở Hà-nội vừa rồi người ta bàn tán nhiều về quyển tiểu thuyết, « *Tâm hồn nghệ sĩ* », tác-giả, ông Lê-Minh; nói về mối tình của hai nhà thơ Hàn-mặc-tử và Mai-đình.

Viết bài này tôi không có ý phê-bình nghệ thuật và tư-tưởng trong quyển sách, — sự thực nói về tư-tưởng thì tác-giả không cần có tư-tưởng riêng để giải bày, còn nghệ thuật thì mong-mạnh lắm — tôi chỉ nhân đọc nó muốn nêu lên một câu hỏi: « Cái thiên tình sự, dù là *« thiên tình sự độc nhất vô nhị của đất nước, của thế giới mà nhân loại cổ kim không có cả tương-lai nữa sẽ không bao giờ có: (1) ấy, ta có nên đem thuật ra một cách thực thà, và nên quảng cáo cho nó một cách rầm rộ như thế không? »*

Tôi xin vắn tắt thuật ra đây câu chuyện:

Mai-đình là một nữ-sĩ. Đã có thơ đăng-báo, vì đọc thi văn của nhà thơ Hàn-mặc-tử mà yêu Hàn. Hàn mắc bệnh hủi. Mai-đình tự đến nhà Hàn nhận làm vợ Hàn để trông nom săn sóc Hàn.

Tôi lấy làm lạ rằng sách là sách tiểu thuyết (theo đề ngoài bìa) mà trong sách toàn là tên thực, tên những người còn sống hoặc mới qua đời, cổ trên mồ vừa xanh:

Hàn-mặc-Tử tức Nguyễn trọng-Trí, Mai-đình nữ-sĩ tức Lê-Mai. Quách - Tấn, Trần thanh - Định v v... như vậy thì tiểu thuyết hay truyện thực? Ta cần được tác-giả cho ta biết rõ ràng về chỗ này.

Tôi bỏ qua những vai phụ, Quách Tấn, Trường Xuyên, Trần-thanh-Định, tôi hãy bàn riêng về hai vai chính Hàn-mặc-Tử và Mai-đình.

Theo ông Lê-Minh, thì hai người này là bạn thân của ông.

Mục đích của ông có lẽ là muốn làm sống lại mối tình kia, muốn làm tăng giá trị của Hàn — vì tài mà đã có được một người yêu như Mai-đình, — làm tăng giá-trị của Mai-đình — vì Mai-đình đã có một « *tâm hồn nghệ sĩ* » đã dám có một mối tình lãng mạn như thế.

Tôi còn nhớ khi Hàn-mặc-tử mới qua đời, ông Trần thanh-Mai có thuật trong một quyển sách nói về thân thế và văn chương của Hàn rằng khi Hàn còn sống đã giao cho ông Trần thanh-Định tài liệu cây ông nói với ông Trần thanh-Mai viết tất cả « cái gì của lòng Trí » (Trí là tên thực của Hàn).

Mối tình ấy là một « cái gì của lòng Trí », nhưng có phải là một điều mà Trí muốn người ta đem ra làm đề cho một quyển sách như quyển « *Tâm hồn nghệ sĩ* » không?

Theo thiều ý thì giá Hàn-mặc-tử còn sống mà thấy các bạn bè đem tình yêu của mình ra phơi trên giấy như thế, chắc Hàn phải can ngăn:

« Các bạn có lòng tốt muốn cho đời chú ý đến tôi nhiều, các bạn đem mối tình của tôi với Mai-đình mà thuật cho đời nghe, tôi cảm ơn, nhưng các bạn ạ, nếu sau này tôi có được « sống » với thời-gian, đó là vì tôi đã làm được những bài thơ gọi là có giá-trị, chứ không phải vì có tôi bị bệnh phong mà còn có một nữ-sĩ yêu tôi. Nếu các bạn muốn cho đời hiểu tôi, và tôi, các bạn hãy đem những văn thơ của tôi ra mà phân tích mà giảng giải. Như vậy có lẽ có ích cho tôi và cho đời hơn là các bạn làm cái công việc các bạn đã làm. »

Và Nguyễn trọng-Trí đã có lý. Riêng về tôi, sau khi đọc quyển T. H. N. S., tôi có những cảm tưởng nặng nề, nó đến cho tôi cùng với những hình-ảnh không đẹp-đẽ; có lẽ tôi thương Nguyễn trọng - Trí cũng như tôi thương một người nào cũng đau-dớn về vật chất như Trí, nhưng chắc chắn rằng không phải vì quyển T. H. N. S. mà lòng cảm phục của tôi đối với nhà thơ Hàn-mặc-Tử tăng lên, nói một cách khác, nếu tôi có hăm mộ Hàn là vì thơ Hàn chứ không vì Hàn đã ốm và đã yếu.

Còn Mai - đình nữ sĩ! Viết đến đây, tôi rất đổi băn khoăn Tôi sẽ nói tại sao.

Theo ông Lê-Minh thì chính nữ-sĩ Mai-đình cũng muốn đề ông Lê-Minh đem cái chuyện tình của nữ-sĩ ra phơi bày trên giấy:

« Sau bốn năm trời sống với đau-thương, Mai-dinh đã liều-tuy đi nhiều lắm. Thoạt gặp tôi, nàng oà ra khóc... Rồi nàng dần dần kể cho tôi nghe đoạn đời của nàng sau khi Hàn chết đi. Mỗi tình thiêng liêng ấy sống quặn-quại mãi trong tâm tâm nàng... »

« Lúc ngó nhà Tùng sơn sách valise của nàng đem ra xem thì Mai-dinh đón lại, lấy ra đưa cho tôi một tập giấy đóng thành sách hẵn hoi và nói tấm-lức :

« — Đây là tập nhật ký của Hàn trong mấy tháng bệnh tình trầm-trọng ở nhà thương Qui-hòa, đóng chung với tập của tôi biên chép những phút giây đau khổ từ khi phải cần răng chia tay với chàng cho đến Tết năm nay, trên con đường phiêu dạt nay đây mai đó tôi hằng ấp ủ và gìn giữ.

Nay trước tấm thịnh tình của anh đối với chúng tôi, tôi xin gửi anh và anh có thể cứ theo đây mà tìm thêm một vài điều bổ ích cho quyển sách dự định của anh... »

« Anh cố viết gấp được sớm chừng nào hay chừng nấy... »

Tám hồn nghệ sĩ (Tự.)

Cái cảnh trên đây là cảnh thực, lại là một cảnh liều thuyết; những câu « ...Tôi xin gửi anh và anh có thể cứ theo đây mà tìm thêm một vài điều bổ ích cho quyển sách », « Anh cố viết gấp... » là thực của Lê-Mai tức Mai-dinh nữ-sĩ là (cũng chỉ là những lời tiểu thuyết? Và nếu chính là những lời của Mai-dinh, thì những lời ấy Mai-dinh thốt ra từ bao giờ... »

Tôi được một vài bạn nhà văn ở phương Nam cho biết rằng, ngày

nay Mai-dinh nữ-sĩ đã có một cái gia-dinh : có chồng và hai con. Gia-dinh êm ấm lắm. Cái gia-dinh ấy mới là cái gia-dinh thực, nó có khác cái gia-dinh mộng tưởng ngày xưa...

Ông Lê-Minh bấy tưởng tượng, ngày nay nếu quyền sách của ông lọt vào cái gia-dinh kia, sự đặng-tác của nó sẽ như thế nào? Vì phụ-quân của Mai-dinh đọc quyển sách nghĩ rằng vai chủ-động trong sách là người cùng mình đang chung sống ; những con của Mai-dinh đọc quyển sách, nghĩ rằng Mai-dinh nữ sĩ đây là người sinh ra ta...

Quyển sách của ông sẽ như một viên đạn chọc thủng phen tre vách đá, khơi đường cho gió lạnh, cho nghi ngờ, cho đau-đớn lọt vào cái gia-dinh đẹp-đẽ ấy.

Nếu ông Lê Minh đã nghĩ đến cái quả-nhiên của việc mình làm như thế, tôi dám chắc khi ông cầm bút, ngòi bút của ông phải run lên vì thẹn-thùng và ân hận.

Những điều tội viết trên đây không phải là giả thuyết. Vì « dư-luận sôi nổi » (theo ông Lê Minh), đã bao nhiêu năm qua mà người ta còn cứ đem cái mối tình kia ra mà mổ xẻ, mổ bần tẩn, Mai-dinh nữ sĩ, ngày nay là một người mẹ hiền của hai đứa con thơ đã phải có một bài thơ như sau này đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy số 485 ra ngày 30-10-1943 :

Quên

« Tôi tưởng hồn tôi đã mất rồi,
Cuộc đời có độc mãi theo tôi !
Nhưng thời gian giúp tôi mờ
xóa,

Trong trái tim đau bong một
người,

Chồng tôi đem lại bao tươi đẹp
Những đứa con thơ, gọi « mẹ,
thầy »

Chồng biết yêu thương, con
lưu mến,
Lòng tôi mờ xóa bóng hình ai !

Tôi biết tình tôi trong giấc mơ
Đau bằng sự thật chưa chan thơ
Một trời tình ái trong tư tưởng,
Một phút kẻ vai cũng đủ mờ.

Con tôi lắm lúc ói tội hỏi,
— Này mẹ, yêu ai nhất mẹ nào ?
— Mẹ chỉ yêu Bà cùng Hương,
Yên...
Và còn... nhưng biết nói làm
sao ?

Sức mạnh thời gian vẫn cứ trôi
Gia đình hạnh phúc chiếm tim
tôi,

Tôi vì buồn phận quên lời hứa
Quên cả trong tim bóng một
người...
(Bà Mai-dinh)

Cái cảnh gia-dinh của Mai-dinh đẹp đẽ là thế, nên thơ là thế. Vì buồn phận đối với chồng, đối với con, Mai-dinh đã « quên lời hứa », « quên cả trong tim bóng một người ».

Có người trách Mai-dinh là « bạc » ; trách như vậy là quá đáng vì không nhận rằng đã là người mấy ai lại không có những sự bồng bột, sự lãng-mạn của cái tuổi hai mươi. Sự bồng bột ấy chỉ như nước thủy triều, qua giờ ấy, phút ấy, nó sẽ tiêu đi và mặt hồ sẽ lại lặng-lẽ. Mai-dinh có thể yêu, nhưng sau khi yêu có thể nhận thấy rằng đời thực không giống cái mộng non mười năm về trước ;

(Xem tiếp trung 13)

(1) Tám hồn nghệ sĩ & lời phát lộ.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 75,

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ

Tám ông đồ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa binh-thần năm 1496, kê tên dưới này:

1. — **Đinh - Cương**, người làng Tiên-tảo, huyện Bình-hà (Thanh-hà), tỉnh Hải-dương. Nguyên tên chữ Cương viết « lực » bên; vua Lê Thánh-tông (1460-1497) đổi sang chữ Cương là bờ cõi. Năm tân-dậu 1501, hiệu Cảnh-thống, đang chức Đông-các hiệu-thư, phụng mệnh sung chức phó-sứ bộ cống. Khi Mạc Đăng-Dung tiến ngôi, ông cải tiết theo Mạc đề mưu toan tước lộc. Làm Lại-bộ thượng-thư của Mạc, được phong tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 72 b).

2. — **Nguyễn Thanh**, người làng Nghĩa-trai, huyện Gia-lâm, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 30 tuổi. Sau cải tiết theo Mạc, làm quan dân Lễ-bộ thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học sĩ vào hầu tòa Kinh-diễn, tước Văn-dam-bá. Là con Nguyễn-Oanh, đỗ tam giáp năm 1481, là ông nội Nguyễn-minh-Dương, đỗ thám-hoa năm 1550 (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Kinh-bắc, tờ 81 a).

3. — **Đặng-miến-Cung**, người làng Văn-mạc, huyện Bình-hà (Thanh-hà), tỉnh Hải-dương. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 45 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyền Hải-dương, tờ 72b) chép làm quan đến tự khanh.

4. — **Lê - Quýnh**, người làng

Tuy-lai, huyện Vũ-tiên, trấn Sơn-nam, (bia Văn-miếu và *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 10, đều viết là làng Tuy-lai; *Đăng khoa lục* chép là Tri-lai). Làm quan đến hiến-sát-sứ *Khâm-định Việt sử* (quyền 25, tờ 26 b-27 a) chép khoảng tháng 11 năm mậu-thìn 1508, hiệu Đoan-khánh thứ tư, vua Lê Uy-mục (1504-1509) sai Lê-Quýnh đem quân đi đánh Hắc-la-la, là một nước mọi ở Đền-nam, thuộc tỉnh Văn-nam, nước Tàu. Hắc-la-la xâm-lấn đến Chu-quan là cửa ải thuộc châu Thủy-vĩ, xứ Hưng-hóa đời bấy giờ. Vua Uy-mục sai Bắc-quân đô-đốc là Trần-thúc-Mại làm hữu-du kích-dinh, phó-tướng là Phạm-nhất-Ngạc làm ký-lục, hai người đi trước. Sai Mỹ-quận-công Lê-Quýnh làm Trình-man tướng-quân, Đan-kê-bá Triệu-Hựu làm phó, lĩnh các vệ quân Thần-vũ hiệu-lực diện-tiền và quân năm phủ, hơn sáu vạn người đi đánh đến Chu-quan chia lập bờ cõi. Lại sai bọn Lê-Quýnh đi kinh-lý đất Chu-quan thuộc châu Thủy-vĩ, xứ Hưng-hóa, sửa sang quan-ải, rồi đem quân về.

5. — **Triệu-nghị-Phù** (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 45 a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 57 b, đều chép là Triệu-tuyên-Phù; bia Văn-miếu viết là Triệu-nghị Phù; *Đăng khoa lục* lại chép xuống thứ sáu), người làng Đức-lập, huyện Lập-lạch,

tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 35 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 57 b-58 a). *Đăng khoa lục* (quyền 1, tờ 45 a) chép: « Văn đáng trạng-nguyên, bị truất ».

6. — **Phạm-cảnh-Lương**, người làng Bất-nạo, huyện Kim-thành, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Phụng-thiên phủ doãn (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 91 a-b). Ở quyền *Đăng khoa lục* là sách in, không thấy chép.

7. — **Phạm-Giới** người làng Đò-dung, huyện Tiên-phong (tức Tân-phong), tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 27 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 45 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 68 b).

8. — **Nguyễn-khiết Tú**, người làng Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Làm quan đến tham-cỉnh. Là em Nguyễn-Húc, đỗ tam giáp năm 1487. Là chú Nguyễn-hy-Tái, đỗ nhị giáp năm 1511, và Nguyễn-tự-Cường đỗ nhị giáp năm 1514. Sinh ra Nguyễn-Tảo, đỗ tam giáp năm 1514, và Nguyễn-hòa-Trung, đỗ tam giáp năm 1518. (*Đăng khoa bị khảo*, quyền Kinh-bắc, tờ 31 b) *Đăng khoa lục* (quyền 1, tờ 45 a) chép nhầm là đỗ thứ năm bia Văn-miếu khắc vào hàng thứ tám.

(Còn nữa)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ



ĐẠI-NAM DẬT-SƯ

Số 23

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỔ

XVII. — Triệu-Xương

Những quyển Việt-sử chữ nho thường chia đời Bắc-thuộc từ năm nhà Hán lấy Nam-Việt của con cháu Triệu-Đà (111 trước T.-C.) đến năm Khúc Tiên-chúa tự chủ (906 sau T.-C.), làm năm thời-kỳ. Thời-kỳ thứ nhất từ năm 111 trước T.-C. đến năm 39 sau T.-C., có Trưng-vương làm vua được ba năm (40-42 sau T.-C.). Thời-kỳ thứ hai từ năm 43 đến năm 540, có nhà Tiền-Lý ba đời nối nhau được 60 năm (541-602). Thời-kỳ thứ ba từ năm 603 đến năm 721, có Mai Hắc-đế giữ châu Giao xưng hoàng-đế được một năm (722). Thời-kỳ thứ tư từ năm 723 đến năm 790, có Bố-cái đại-vương giữ phủ đô-hộ một năm (791). Thời kỳ thứ năm từ năm 792 đến năm 905.

Sau năm kỳ Bắc-thuộc ấy, có Khúc thừa Dụ ba đời, Dương-diên-Nghệ 14 năm, Kiều-công-Tiện một đời, Ngô-vương Quyền ba đời, và một thời-kỳ 12 sứ-quân, cộng tất cả 62 năm, rồi mới đến Đinh Tiên-hoàng chính-thống nước Nam. Tuy trong khoảng 62 năm ấy chưa hẳn là tự-chủ, nhưng đều là người nước Nam kế-tiếp nhau cai-trị lấy dân Nam, cho nên sử chép Khúc-thừa-Dụ là Tiên-chúa, tức là kẻ công xây móng đắp nền từ đấy.

Thời-kỳ Bắc-thuộc lần thứ năm ngang với nhà Đường bên Tàu. Bấy giờ người Tàu gọi ta là An-

nam đô-hộ phủ. Người sang làm đô-hộ hoặc kinh-lược đời bấy giờ thì sử chữ nho chép đến tại ba mươi người. Trong đó có Triệu-Xương còn danh đề tiếng đến ngày nay.

Triệu-Xương tên tự là Hồng Tộ, người đất Thiên-tửu bên Tàu, sinh vào đời Đường Đức-tông (780-803). Làm quan dần dần thăng đến thứ-sử Khen-châu. Vừa gặp năm ấy là năm thứ bảy hiệu Hàm-thông (791) An-nam đô-hộ là Cao-chính-Bình, bất-thể-nặng, nhân-dân ta oán: Phùng-Hưng nổi lên, Cao-chính-Bình lo sợ rồi chết. Sau khi Phùng-Hưng mất, con là Phùng-An nối chức, giữ lấy phủ-thành đô-hộ.

Vua Đường nghe tiếng, cho Triệu-Xương sang làm đô-hộ. Khi Triệu-Xương đến nơi, sai người đem lễ-vật dụ Phùng-An. Phùng-An cũng sắm-sửa nghi-lễ ra đón và đem dân-chúng ra hàng. Vua Tàu nghe tin, thăng Triệu-Xương làm chức « kinh-lược, chiêu-thảo xử trí sứ. »

Triệu-Xương vào ở phủ-trị, đắp thêm La-thành, đạo khắp núi to, sông lớn, cò tích, từ-đàn ở các đô-quận, chép làm một tập gọi là *Phủ-chí*. Ở phủ mười năm (791-801), vì có tật đau chân, dâng biểu xin vua cho người khác sang thay. Năm thứ 17 hiệu Trinh-nguyên (801) vua Đường xuống chiếu cho Binh-bộ lang-trung là Bùi-Thái làm đô-hộ.

Khi Thái đến nơi, sai quân-sĩ san bỏ những ngòi ao trong thành Đại-la và đắp thành Hoan, thành Ai, sau bị người tướng trong châu Giao là Vương quý-Nguyên đánh đuổi.

Triệu-Xương về Tàu, được thăng làm tể-tửu. Đường Đức-tông nghe thấy Bùi-Thái bị đuổi, bèn vời Triệu-Xương vào hỏi tình-trạng. Lúc bấy giờ Triệu-Xương đã ngoài 70 (có lẽ 79) mà tấu-dối rành-mạch: vua Đường lại cho sang làm đô-hộ.

Chiếu-thư sang tới châu Giao, người trong châu họp nhau lại mừng (*Việt-kiều thư* chép: đưa thư tới mừng), bèn đuổi Bùi-Thái đều yên ổn ngay. Năm ấy là năm thứ 19 hiệu Trinh-nguyên (803). Sau Triệu-Xương thăng đến chức Lĩnh-nam tiết-độ-sứ; vì có công-lao được thăng Công-bộ thượng-thư, gia hàm Thái-tử thiếu bảo. Mất năm 85 tuổi, truy tặng Dương-châu đại-dô-đốc.

Triệu-Xương sang làm đô-đốc lần trước mười năm (*Khâm-dịnh Việt-sử*, tiền-biên, q. 4, tờ 27 a, và *Việt-kiều thư*, q. 4, tờ 8 a, chép 10 năm; *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, q. 6, tờ 9 b, và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, q. 5, tờ 6 b, đều chép 17 năm, có lẽ nhầm). Lần sau sử không chép rõ mấy năm, chỉ thấy chép năm Nguyên-hòa thứ ba (808) nhà Đường cho Trương-Chu làm đô-hộ, tức là Triệu-Xương mất năm ấy (808). Thế là làm đô-hộ có 15 năm, mà đức-nghiệp danh-vọng còn lưu truyền mãi đến bây giờ.

Hiện nay nước ta có làng Đan-loan thờ làm thành-hoàng ở đình, và phố hàng đào Hà-nội có một
(Xem tiếp trang 15)

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Khanh không nề mặt trẫm sao ? Người trung-thần không ai nói thế. Trẫm rộng lượng, vua khác thì khanh đã không toàn tín-mệnh.

TRỊNH-DUY-SẢN

Hoàng-thượng nên xét cho lòng thành - thực của lão - thần. Chính sự đồ nát lắm rồi. Muốn cho nước yên thì phải thể lòng dân, mà dân bây giờ ai cũng oán Vũ-như-Tô và lũ .. cung-nữ

BỌN CUNG-NỮ quý cả xuống Trời ơi ! thần thiếp có tội gì (Kim-Phượng nắm lấy vạt áo long-bàn. Họ cùng khóc).

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Các khanh đứng dậy. Các khanh không có tội gì. (nhìn Trịnh duy Sản một cách giận-dữ) Người lui ra. Người lui ra. Cung nữ là phận liễu bồ, không hề bước chân ra khỏi Tử-cấm-thành, lỗi họ có tội gì ? Có ai dọ làm tội, thế-thiếp người không, Duy-Sản ?

TRỊNH-DUY-SẢN

Chính họ đưa Hoàng - thượng vào con đường từu-sắc, con đường dâm-dật, con đường xa-xỉ. Chính vì muốn đẹp lòng họ mà Hoàng-thượng cho xây Cửu - trùng - đài. Luận về tội thì họ là thủ phạm...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Đó là ý trẫm. Người không được nói nữa. Trẫm cấm người.

TRỊNH-DUY-SẢN

Và Vũ-như-Tô là chính - phạm. Nó đã bày vẽ ra diện trẫm nóc và Cửu-trùng-dài. Hao tiền tổn của là vì nó ; sự cao thuế nặng là vì nó, triều-dinh đồ-nát, giặc-giã như ong là vì nó. Kiệt-Trụ mất nước chỉ vì cái lệnh xây cung-diện. Xin Hoàng-thượng mau mau tỉnh-ngộ; tu-ấn thân mình,

xa gái đẹp, đuổi Vũ-như-Tô, học thói thánh hiền, phục sức cho giản-dị, thương dân như con, kéo họa cấp đến thân hỡi không kịp nữa. Guơng trước sờ sờ ra đó.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Duy - Sản, người bước ngay. Kéo cái công hần-mã của người trẫm không kẻo nữa.

TRỊNH-DUY-SẢN

Lão - thần không cần Hoàng-thượng nề công hần - mã nữa. Nhưng xin Hoàng - thượng nghe nhời lão-thần, đuổi bọn cung nữ, chém Vũ-như-Tô...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Lão ương gàn, quân hủ nhơ...

TRỊNH-DUY-SẢN

Hủ nhơ, nhưng không ngu-muội ..

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Quân phản tặc, mi đêm bảo trẫm là ngu muội. Đề làm chi những quân yêu quái này.

TRỊNH-DUY-SẢN

Lão thần xin chết về tay bộ-hạ còn hơn là trông thấy ngày mất nghiệp (quý xuống vượn cồ).

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Mi thách trẫm sao ? (định chém) Bọn cung-nữ (xô lại giữ lấy vua) Xin thánh-thượng nề quận-công là một bậc đại-thần, huân công to tát...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Hủ nhơ mở mắt ra. Bụng mi còn kém bụng dân bà ! bước ngay cho rảnh mặt.

TRỊNH-DUY-SẢN

Ồi, cơ nghiệp nhà Lê !

Vái vua đi ra.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

bảo cung nữ Các khanh theo trẫm. Chỉ thương các khanh chỉ mắc tiếng oan. Mai trẫm sẽ giao cho Triều đình nghị tội tên giặc-giã đánh cho trẫm trượng.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TUONG

KIM-PHƯỢNG giả dối.

Xin Hoàng-thượng tha cho hầu

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Tha làm sao được ? Thôi các khanh theo trẫm, vua tôi ta vào cung yến ẩm vui vầy. Kia Vũ-như-Tô... Thôi ta đi, cho hần làm việc. (cùng ra)

Cảnh VII

VŨ-NHƯ-TÔ

Cầm sô và bút, ngồi trên một phiến đá, tính toán) Hai mươi vạn gỗ bắt người Lão tiến cống về được một nửa, chất đống cao như núi, toàn những gỗ quý vô ngần. Đá tự Chân-lạp tải ra mỗi ngày một nhiều (tính) hơn hai vạn phiến lớn bốn vạn phiến nhỏ... Một vạn thợ làm ở đây, mà tính ra mười mấy vạn thợ làm ở ngoài. Suốt đường cái từ Nam ra Bắc, xe bò liên tiếp ngày đêm không ngớt. Vua Lão phải dùng đến mấy nghìn voi tải gỗ, đường sá gặp ghềnh hiểm trở ! Triều-dinh ngại ư. Ta quyết đánh tan hết những kẻ thoái-trí. Chư hầu oán hận mặc cho họ oán. Dân gian nổi lên ? Không đáng kể. Ta dùng từ vua, quân, lính, đến dân, đến chư hầu để được việc. Không có một trở lực nào có thể ngăn đường tiến-thủ của ta. Khinh báo táp ta dựng đài đầu, không có Đan-Thiền thì làm chi có Cửu-trùng-dài ? Tinh cao quý của bà hàng bạc & chốn này,

Số 8

chỗ một bước (mơ mịnh) Đà-cửu - trùng ! Đà-cửu-trùng ! Cao với tới trời ! Mòn phần tráng-lệ ! Đà-cửu-trùng (mím môi lại cúi xuống tính toán.)

Có tiếng chuông thu không. Các thợ buông tay nghỉ. Họ ra về, chào :

— Kính chào ông Vũ.

VŨ-NHƯ-TÔ

Anh em về nhé. Ăn uống cho ngon, ngủ cho đầy giấc.

(Thợ ra)

Cảnh VIII

VŨ-NHƯ-TÔ (chàng vẫn ngồi tính toán)

Lại còn việc Đan-Thiền ! Cái hèn của con người, thực không biết thế nào mà nói cho hết. Lòng họ hẹp, chí họ thấp, họ không hiểu được ta. Đối với Đan-Thiền, ta chỉ có tình tri-kỷ, họ lại cho là tình dâm ô ! Miệng lưỡi thế gian ! Giữa triều-dinh vụ lợi giam trong cung cấm như-nhuốc, Đan-Thiền trong sạch như viên ngọc quý, thơm tho như ánh hương tiên ; trí bà sáng như vầng nhật nguyệt, tình bà cao như mây biếc muôn trùng !

Ta có cần chi, khi ta không bận chút tà tâm ! (nhìn đề bao quát đài đang xây, dở, chúng có biết đâu, không có Đan-Thiền thì làm chi có Cửu-trùng-dài ? Tinh cao quý của bà hàng bạc & chốn này,

từ viên gạch nhỏ cho đến nóc nguy nga. Vì có bà mà đường kiến-trúc của ta nảy ra những ngón di-kỷ. Vì có bà, đài tử-nền linh-hoạt. Ý-nghĩ dâm-ô nào tạo được cái đài cao cả vô-sorg này ?

Đan-Thiền vào

Cảnh IX

VŨ-NHƯ-TÔ, ĐAN-THIỀN

ĐAN-THIỀN

Tiền sinh còn tính-toán gì ? Trời sắp tối còn chưa đi nghỉ.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin chào bà. Hôm nay, đài đã thành hình. Tôi đứng ngắm xem có điều chi khuyết diếm, đề chữa ngay đi.

ĐAN-THIỀN

Quả thực là một kỳ công.

Họ cùng đứng ngắm

VŨ-NHƯ-TÔ

Những lời khuyên của bà thực là xác đáng. Chỗ nào bà bảo hỏng, chính là chỗ tôi cũng băn khoăn. Bà không phải là thợ, nhưng kiến-thức quả hơn những thợ lành nghề.

ĐAN-THIỀN

Tiền sinh quá kken. kiến thức dân bà, tôi chỉ sợ nó di-hại che Cửu-trùng-dài.

VŨ-NHƯ-TÔ

Kiến thức bà giúp tôi nhiều lắm. Đài-Cửu-trùng đã nhờ bà mà có, lại nhờ bà mà toàn bích. Bà là mẹ đẻ ra đài này. Vì thế tôi thay đổi kiểu đài chút ít. Bao nhiêu cung điện bao nhiêu vườn hoa, tôi đề quây cả vào một cái đài chính giữa, đài chính ấy tôi sẽ đem hết tài ra tô diếm cho nó thành một nơi hoa lệ nhất đời. Đài ấy, tôi sẽ đặt tên là đài Đan-Thiền...

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

MỘT MỐI TÌNH

(Tiếp theo trang 9)

nhận thấy rằng cái hạnh phúc chân-chính không phải ở những sự dật thường, những sự « độc nhất vô nhị » của đất nước của thế giới..., mà chính là ở những sự rất thường, ở một gia-dình với một người chồng và mấy con. « Quên cả trong tim bóng một người », ấy là cái quyền rất nhân-loại của nhà thơ Mai-dinh.

Lại có người bảo : « Bài thơ Quên chỉ tỏ rằng tác giả nó chưa quên ». Nói vậy cũng có lý, và tôi cũng tin như thế.

Nhưng nếu nó tỏ là tác-giả chưa quên nó cũng tỏ rằng trong thâm tâm tác giả đang có sự phấn-dấu đề quên. Cái tình phụ-phụ, cái tình mẫu tử của Mai-dinh thiêng liêng bao nhiêu thì sự phấn đấu ấy thiêng liêng bấy nhiêu.

Bồn phận của chúng ta là phải giúp Mai-dinh trong sự phấn đấu ấy.

Đến đây, tôi mới có dịp trở lại với một câu tôi đã viết trên. Tôi nói « rất dật bản-khoản » vì e cầm bút viết bài này có thể như tôi cầm bút đề khơi một vết thương đang bần miệng.

Ông Lê-Minh đã làm một điều thất sá h, tôi lại vì ông Lê-Minh làm thêm một điều thất sá h nữa. Nhưng tôi hi vọng những chuyện viết đây sẽ chỉ như những chuyện trong

« ... giấc mơ

Đầu bằng sự thật chưa chan thơ Một-trời tình ái trong tự tưởng Một phút kẻ vai cũng đủ mờ »

LÊ-THANH

Trả lời bài «Thầy đâu nói đó» của báo Thanh-niên

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỔ

Tiếng nước nào cũng vậy, có chữ chấp lại, bính như trái nghĩa nhau hoặc thừa nghĩa, nhưng không nên tách ra từng chữ, vì những chữ ấy đã thành ngữ, dùng đã quen, tức là những danh-từ có đã lâu, làm cho câu nói được mạnh-mẽ, được rõ-ràng thêm lên. Khoa ngôn ngữ-học gọi lối chấp chữ như thế là lối « loại-suy », do chữ tây là « analogie, servitude grammaticale ». Thí dụ, câu « cấm không được nói nhảm », tách ra từng chữ thì cho là thừa, vì đã có chữ « cấm », sao lại còn dùng chữ « không »? Nhưng đây là lối dôi tiếng, dùng đã lâu, không ai nhầm cả; mà nói như thế, lại mạnh mẽ và rõ nghĩa.

Chữ « chẳng thà » cũng theo lối ấy, tức là một thứ chữ kép, không tách ra được, do câu phong dao: « Chồng con là cái nợ nần, Chẳng thà ở vậy, nuôi thân béo mồm » (chép trong *Tục-ngữ phong-dao* của ông Nguyễn-van-Ngọc, in năm 1928, quyển thứ hai, trang 55). Câu ấy nghĩa là có chồng có con là cái nợ duyên-kiếp, thà rằng đừng vậy, không đi lấy chồng để nuôi thân cho béo. Nếu tách ra từng tiếng một, thì có phải trái với nghĩa « ở vậy » không? Vả lại ai cũng hiểu ngay, không thể lẫn được.

Nên cụ Nguyễn-Du đặt trong truyện *Kiều* một câu rằng: « Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau », nghĩa là thà khuất mặt đi một chỗ, còn hơn là trông thấy cho đau lòng. Ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch chữ « chẳng thà » là « còn hơn là »

(plutôt que de), chữ không tách bạch chữ « chẳng » là « không », chữ « thà » là « đành thế còn hơn » (*Kim Vân Kiều* của Thu-xã Alexandre de Rhodes xuất-bản năm 1942, trang 174). Không tách bạch ra như thế, rất phải, vì chữ « chẳng thà » là một thứ danh-từ phức-hợp, không phân giải ra được.

Bởi vậy, tôi mới dịch cho *Tri tân* (số 119, ngày 4 Novembre 1943, trang 10) một câu rằng: « Ta sắp vì đạo nho mà làm quan, thì đạo nho không thi-hành được, ta sắp vì cha mẹ mà làm quan, thì cha mẹ không còn, chẳng thà chết già ở đây còn hơn »: thế là tôi dùng chữ, đúng với phong-dao, đúng với văn *Kiều*.

Báo *Thanh niên* (số 28, ngày 11-3-1944, trang 6), ở mục *Thầy đâu nói đó*, lại hỏi rằng: « Chữ « chẳng » có nghĩa là không, vậy để *chẳng thà* là nói nghịch lại với ý muốn của mình sao? » Tách ra như thế, mới nghe thì tưởng là đúng, nhưng chỉ đúng với người không biết câu ca-dao và không thuộc văn *Kiều* mà thôi; còn ngoài ra, ai cũng cho là bẻ xằng.

Câu *Kiều* không thuộc hay không hiểu đã đành, — tuy ông Vĩnh đã cắt nghĩa từng chữ rõ-ràng lắm. Nhưng đến câu ca-dao là câu cửa miệng đàn bà trẻ con, mà *Thanh niên* không biết, thì lạ thật! Ấy thế mà dám hạ bút, dùng lời châm-biếm để hỏi một câu vô-vị như câu trên kia!

Ngôn-ngữ đã thành một khoa-học được non một thế kỷ nay: muốn bàn cách dùng chữ từ tiếng, cần phải học qua sách J. Vendryes, *Le langage, introduction linguistique à l'histoire*, W. D. Whitney, *La vie du langage*, A. Darmesteter, *La vie des mots étudiée dans leurs significations*, Ch. Bally, *Le langage et la vie*, A. Dauzat, *La philosophie du langage*, và nhiều sách nữa (1).

Giá có học qua, thì đã biết ngay rằng tiếng nước nào cũng có lối đặt như lối « chẳng thà », « bất-thình-linh », « cấm, không được... ». Tàu có chữ « khỏi cấm », nghĩa đen là « há dám », tức « không dám », mà nghĩa chính là « dám ». Tây có chữ « ne » là « không » cũng thế: ông F. Brunot (*La pensée et la langue*, trang 560, 732, v. v) dẫn mấy câu thí-dụ của các nhà văn-hào, rồi nói rằng: « Rõ-ràng ở những câu ấy dùng chữ *ne* không có lý tí nào, nhưng đó là dùng theo lối loại-suy; nay tự ý bỏ đi cũng được » (Il est visible que *ne* n'était point logique, mais analogique. On est du reste aujourd'hui libre de la retrancher).

Tiếng ta thì hơi khác, hiện giờ có vài chỗ chưa bỏ được: chẳng thế, sao ông Đào-duy-Anh lại phải dịch câu « Cela empêche qu'il aille avec vous » như sau này: « Thế là ngăn trở nó không được đi với anh » (*Pháp-Việt từ-điển*, trang 527). Đã ngăn-trở là có ý giữ lại, sao lại còn phải dùng chữ « không »? Nhưng không phải thừa: sách ngôn-ngữ, dẫn trên kia, đã giải nghĩa vì sao các tiếng Âu châu có những chữ chấp lại, mà lại trái nhau như thế. Ở đây tôi chỉ nói qua về câu « cấm không được nói nhảm » và câu « chẳng thà ở vậy »: câu trên

ngặt là « cấm, — không cho người ta nói nhảm », câu dưới nghĩa là « chẳng lấy chồng, thà ở vậy ». Có lẽ lúc đầu cũng đặt như thế, sau nói nhanh, hóa lộn tiếng; nhưng người ta vẫn quen dùng và quen nghe, rồi thành danh-từ, không ai để ý đến tiếng một, không ai tách-bạc như tác giả bài *Thấy đầu nói đó* của báo *Thanh niên*.

Tác-giả đã hay tách-bạc, sao không tách bạch cả câu văn của tác-giả, để chữa cho gọn, cho khỏi lúng-úng như câu: « Vậy để *chẳng* thà là nói nghịch lại với ý muốn của mình sao? » Giá tác-giả nói: « Vậy dùng chữ *chẳng* thà là trái với ý mình hay sao? », có phải đủ nghĩa mà nghe ngay ra không? Thảo-nào tục-ngữ có câu: « Chuyện mình thì quàng, chuyện người thì sáng »!

Không những thế mà thôi: tác-giả lại nói câu này nữa, cũng ở mục ấy, trang ấy, nhưng về chuyện khác: « Tuyệt-nhiên về giá trị quyền sách, cách nghiên-cứu như thế nào, ông không dĩ hơi một liếng ». Nếu bắt-chước tác-giả từ-mĩ từng chữ, thì sẽ hỏi tác-giả rằng: « Đã không dĩ hơi, sao lại một liếng? » Thảo-nào ca-dao có câu: « Cười người phải ngli đến thân, Thử sờ lên gáy xem gần hay xa! »

Còn lối đề tựa, cũng không hiểu nổi. Có ai nhờ người đề tựa, lại bắt người ta phải nói đến « cách nghiên-cứu như thế nào » không? « Cách nghiên-cứu như thế nào » đã có phạm-lệ của người làm sách, không việc gì đến người đề tựa.

Xem như thế, có phải là rõ-ràng tác-giả bài *Thấy đầu nói đó* của báo *Thanh niên* cần phải học thêm, thì mới có thể bổ-ích cho độc-giả được không? Ván kiệt-tác như truyện *Kiều* mà không

biết, lời truyền-khẩu như câu phong-dao cũng không, chỉ biết tra tự-vị, nhưng lại gặp phải tự-vị thiếu, thành ra chỉ « thấy đầu nói đó », không tìm-tòi suy - nghĩ gì cả: thật đáng phàn-nản thay cho độc-giả *Thanh-niên*!

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Trong Tri-tân, cũng số 119 ngày 4-11-1943, tôi viết trang trên (trang 9) một câu: « Thà chết chứ không chịu nhục », trang dưới (trang 10) một câu: «... Chẳng thà chết già ». Giá bắt chước các nhà làm mẹo Âu-châu như Michel Bréal, *Essai de sémantique*, Henri Delacroix, *Le langage et la pensée*, Christophe Nyrop, *Linguistique et histoire des mœurs*, v. v., tôi sẽ viết một câu mẹo đại-ý như thế này:

« Thà » với « chẳng thà » giống nghĩa nhau, « chẳng thà » mạnh nghĩa hơn, thường dùng ở giữa câu hoặc giữa mệnh-đề, thí dụ: « Thà ban lỗ, chẳng thà sách rồ về không; Thà ăn đầu, chẳng thà ăn giàu cách mết ». Nguyễn-văn Ngọc, *Tục-ngữ phong dao, tập trên, trang 320*; chữ « thà » bao giờ cũng đặt ở đầu câu, thí dụ: « Thà rằng chẳng biết cho đùng, Biết ra đân-đia nữa chùng lại thôi » (Nguyễn-văn Ngọc, *Tục-ngữ phong-dao, tập dưới, trang 189*).

Còn câu « Thà chết không chịu nhục » là dịch ở chữ nhỏ « Ninh tử vô điểm »; — « chẳng thà chết già ở đây » dịch ở chữ « ninh an ư tử dĩ chung lão hồ ». Hai chữ cũng chữ « ninh » dịch ra, sao lại dịch một câu là « thà », một câu là « chẳng thà »? Tại câu trên chỉ có chữ « ninh », câu dưới vừa « ninh » vừa « an », « Ninh » là « thà », lại có nghĩa là « sao? », « an » cũng có nghĩa là « sao? »: hai chữ liền nhau mà cùng một nghĩa, nên phải dịch là « chẳng thà ». Câu ấy lại có chữ « hồ » cũng nghĩa là « sao? », cho nên phải dịch như thế cho mạnh câu, nhưng vẫn rõ nghĩa, không vi hiều nhảm, vì chữ « chẳng thà » như tôi đã nói trên kia là một tiếng thành-ngữ, truyện *Kiều* và ca dao đều dùng cả, ai cũng biết, chỉ có báo *Thanh niên* không biết mà thôi, nên bạ đầu nói đấy!

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 11)

ngôi đình của người làng Đan-loan ra ở đấy dựng lên đề thờ vọng.

Việt-diện u-linh (sách vết của Trương Bắc-cổ, số A 751, tờ 90 a-91 b) có chép truyện Triệu-Xương tôi lược dịch như sau này: Triệu-Xương làm An-nam đô hộ đời Đường, thường ngồi xe đi tuần trong hạt, đi đến làng Vinh luân huyện Đường-an, tỉnh Hai-dương (nay thuộc phủ Bình-giang: đời Lý và đời Trần gọi là lộ Hồng, đời Lê gọi là Thượng hồng; Đường-an với Đường hào nguyên xưa là một, trung-gian chia phía tây-bắc gọi là Đường-hào, còn vẫn tên Đường-an; Đan-loan xưa là Đan-luân, đời Gia-long đổi là Đan-loan), trông thấy non sông đẹp-đẽ, đất rộng người nhiều, có nơi hương mát, có chỗ đường xe, cảnh trí thiên nhiên, ngắm ngli mãi mà không chán, nhân dựng nhà học ở làng đề ở, gọi là « Đông-giao hương-hiệu » (nhà học cõi Đông). Từ bấy giờ những học-trò tuấn-tú và dân xứ đồng đều đến thụ nghiệp, dân gần đấy đều được nhờ ơn giáo-hóa, người phương xa nghe tiếng xúm lại như mây hợp: Thôn ấy càng ngày càng đông. Lúc đầu còn gọi là « Độc-thôn » (thôn học) sau biệt-hiệu gọi là Đan-luân-xã. Học-trò ở nhà học ấy phần nhiều thành đạt, cho nên khi Triệu Xương mất, học trò và nhân-dân khóc nhớ như cha mẹ, bên làm đền thờ ở cạnh nhà học. Các vua triều Trần triều Lê phong ông là đại-vương phong bà là công chúa.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tin văn

I) Mộ Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh đã hoàn thành

Năm 1944, viết quyển « Nguyễn Trường-Tộ », tôi có bỏ ra số tiền nhuận-bút và hồ hào quốc-dân nên giúp vào việc xây mộ tiên-sinh, một bậc tiền-khu của chúng ta trên bước đường tiến-hóa.

Nhờ có lòng sốt sắng của một số đồng bào ở Thanh, Nghệ, số tiền quyển giúp cộng với số tiền nhuận-bút được hơn bốn trăm bạc.

Tiền đó đã giao cho ông linh mục Xã-doài là cố Laygue nhờ cố cùng gia-đình Nguyễn-trường ở Bùi-chu trông nom việc xây mộ.

Nay tôi mới tiếp được thư của người cháu ruột Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh là ông Nguyễn Trường-Võ cho biết, rằng mộ đã hoàn-thành :

Muốn cho lớp với tính-tình của tiên-sinh, mộ ấy rất đơn-giản :

Mộ gồm hai tầng đá Thanh hóa có chạm-trổ một cách thanh-nhã : một tầng nằm có hai cấp và một tầng dựng klít liền ở đầu mộ đề làm bia.

Trên mặt bia, có bài tiêu-sử sau này hằng quốc-âm :

Phao-lô Nguyễn Trường-Tộ

Quán thôn Bùi-chu, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an. Sinh năm Minh mệnh thứ chín, Ất-trần năm Tự đức thứ hai-mươi-bốn. Tư chất thông minh tài ba lỗi lạc, giỏi chữ Tàu, thông tiếng Pháp. Năm Tự đức thứ 13 cùng đức giám-mục Ngô Gia Hậu sang Tây; ở Đại pháp mấy năm, những lưu tâm quan-

sát về tất cả các khoa-học, hầu đem về giúp cho nước thịnh dân cường : lúc về nước, giúp chung-đường, giúp chính phủ, thiết-tha miễn nước yếu nòi, thảo nhiều phiến tấu xin Triều-đình cải-cựu, canh tân về mọi phương-diện, vui lòng hiến thân giúp việc khai-hóa. Tiếc thay quốc dân muộn thì nảy lộc, tiên-sinh lại sớm ly-trần lúc mới 43 tuổi. Được an-tử :

Kim-tiền tòa Thánh (1860)

Kim-tiền Đại-Nam (1868)

Truy-phong : Gia-nghị đại-phu hàn-lâm-viện trực học-sĩ (1924)

Đề tỏ lòng kính kẻ sĩ hiền, hững bực vị vọng trong nước đã cộng tác xây lăng dựng bia lúc kỷ-niệm.

MCMXLIII

Kèm hai bên bia có đôi câu đối nôm :

Kính Chúa, yêu người hăng tạc đá.

Trung Vua, mến nước vốn ghi lòng.

Ở hai bên bia có đôi câu đối chữ :

Trung quân chính-sách quang tiền sử,

Ái quốc tinh thần khởi hậu nhân.

Trên một tầng đá nằm, thì có khắc : những dòng chữ kể tên, tước và kèm theo đôi câu đối mà sinh thời tiên-sinh vẫn thường ngâm đề tỏ-chí ý mình.

TỪ-NGỌC

II) Một giải thưởng văn học

Vừa rồi hội Khuyến học Nam kỳ có tặng một giải thưởng chung cho hai ông :

Bác sĩ Lê văn Ngón về cuốn « Bình ho lao » và giáo sư Hoàng-xuân-Hãn về cuốn « Danh từ khoa học ».

Bác sĩ Lê văn Ngón, là một thanh niên rất ưa hoạt động không những trong phạm vi nghề nghiệp mà cả trong giới văn học.

Ông là hội trưởng hội Khuyến học Cần Thơ. Vừa rồi với một số văn hữu trong Nam ông có cho ra tập Xuân Tây Đô rất được hoan nghênh.

Giáo sư Hoàng-xuân-Hãn ở Bắc hà không ai còn không rõ. Hiện giáo sư đang viết giúp tờ Khoa Học và đang gắng dùng viết văn để viết khoa học thái tây.

Cúng tôi lấy làm mừng thấy hai ông được tặng thưởng rất đích đáng và mong rằng hai ông cố gắng để làm giàu cho kho sách quốc văn bằng các tác phẩm khác.

MANH PHAN

Cải chính

1) Tri Tân 130 — tr 15, cột 3 : câu « non sông kim cổ đối trông mở » xin đọc là . . . trông mở ?

2) T. T. 133 — Bài xã thuyết trong Thi ca Việt Nam tập nhất của Hoa Bằng vì một lẽ riêng nên có nhiều chỗ gián đoạn, xin các bạn lượng thứ.

3) T. T. 134 : tr. 3. cột 2 : câu « Lòng mong quân phụ » trong bài dịch thơ cô của Trúc Khê xin đọc là « Lòng mang . . »

4) T. T. 135 tr 23 cột 3. câu « Tinh tư kỷ cảm ngày mưa gió » trong bài của bà Văn Đài xin đọc là : Tinh tri kỷ T. T.

Thăm dấu người xưa : Cỗ Lê vong thần

Lê-Quỳnh

(1750-1805)

« Đầu có thể chặt được, tóc không cắt được
Da có thể lột được, áo không thay được. » (Lê Quỳnh)

TIỀN-ĐÀM

Ở gần vườn Bách-thảo Hà-nội có một ngôi đền nhỏ thờ các vong thần nhà Hậu Lê, khi trước có quốc tế, đến nay đã bỏ, trong đền bài vị thứ nhất là *Trưởng-phái hầu Lê-Quỳnh*. Lê Quỳnh là người thế nào, trong sử sách đã nhiều phen nói đến. Chúng tôi, nhân nghỉ Tết, về thăm quê-lương ông, có tìm được một quyển sách của họ Lê nhan đề là « *Bắc hành lược biến* » kể lại hành-trạng của ông ở Tàu, vậy nay xin dựa vào tài liệu ấy và tham khảo với các tài liệu khác mà viết lại thiên thăm sử về Lê mặt và tiết tháo cùng lòng hi-sinh của một người tôi trung buổi ấy.

Tiểu sử — (dưới đây là dịch nguyên văn bài mộ chí của Cỗ Lê Trưởng phái hầu Lê Quỳnh do cháu nội về chi thứ hai là Tổ nhớ hành trạng ở *Bắc-hành lũy ký* mà chép vào bia).

« Ông nội tôi họ Lê, tên Quỳnh, sinh năm Canh-ngọ (1750) niên hiệu Lê Cảnh-hưng, là con trưởng cụ tôi, Tiến sĩ khoa Quý-hợi (1743) Hình bộ Thị-lang Đại-nhậm hầu.

Năm 21 tuổi, ông tôi được bổ vào sinh trong Chiêu văn quán, đến năm Bình-ngọ (1786) đời Cảnh-hưng xuất thân làm quản

bình, phụng mệnh phủ dụ ở Giang bắc, về được phong tước bá, năm ấy đã 37 tuổi.

Mùa đông, năm Đinh mùi (1787) hiệu Chiêu-Thống nguyên niên, quân Tây-sơn vây thành Thăng-long, xa giá vua Lê phải đi Lạng-giang, ông tôi đem gia đình theo hộ giá được phong Trưởng phái hầu.

Ông tôi lại phụng mệnh đi tìm Thái-hậu và Nguyên-tử lúc ấy ở đạo Cao-bằng, bị quân Tây-sơn bức bách, bèn chạy sang Nam-ninh n rộc Tàu. Rồi việc cầu viện đến tại vua nhà Thanh, vua Thanh sai ông tôi từ đường bệ Quảng-đông trở về do-thám tình-linh trong nước. Khi đã phục mệnh, được ban đai mũ Tổng-binh. Rồi vua Thanh sai Tổng-đốc Lương Quảng-Tôn-sĩ-Nghị mang binh sang cứu giúp.

Mùa đông, năm Chiêu-Thống thứ hai (1788), khắc phục được kinh thành Thăng-long, xa giá vua giờ về chính vị, ông tôi được ban kiếm ấn và tổng-đốc việc binh lương, sau lại cải thụ chức Đồng-binh-chương-sự; nhưng ông tôi đau, xin cáo về.

Mùa xuân, năm Chiêu-Thống thứ ba (1789) quân Tôn-sĩ-Nghị thua vỡ, xa giá vua Lê phải chạy sang

Tàu, ông tôi đã hơi đỡ bệnh, liền họp các đồng-chí mộ quân nghĩa đứng chờ đợi quân Tàu.

Từ mùa hạ đến mùa thu, không tin tức gì. Ông tôi bèn cùng đường đệ là Siêu-linh-hầu Lê doãn-Trị (1), Lê thần là Trịnh Hiến, và Lý-Bình Đạo, tìm đường sang Yên-kinh để cầu quân Thanh lại cứu nữa.

Khi tới nơi, nghe tin vua Lê và những bầy tôi tông vong đều bị ng rời Thanh ép cắt tóc rồi. Người Thanh lại bức bách ông tôi cắt tóc, nhưng ông tôi không chịu, bị giam nhốt 13 năm, cuối cùng vẫn không chịu khuất, ông tôi có thơ rằng:

*Thân hệ trừng can hoạt tể tiết
Mệnh luy nhất phát biểu đan trung*

Dịch:

*Ngục tể mấy lần ọm tiết trảng.
Tóc xanh một sợi tỏ lòng son.*

Những thơ các bạn ông tôi đáp lại mỗi người một khác. Vua Lê có đề nhan tập thơ ấy và đặt tên là *Tứ Cống tập* (tập thơ của bốn ông (?)). Người Thanh cũng khen là bốn nghĩa sĩ.

Năm Nhâm tuất (1802) hiệu Gia Long nguyên-niên, nhà Tây-sơn đã bình, khám phụng ngự phê cho phép bác tôi là Doãn Trắc theo sứ bộ sang Tàu để thăm tin tức vua Lê và ông nội tôi.

(Xem tiếp trang 21)

Vấn đề tiếng ta

(Tiếp theo trang 7)

nên phải đặt nghĩa theo điển « Tam bảo », không thể theo điển « hòe-an » như ông Lê-Văn được.

Theo chỗ tôi xét nhận, thì chữ « mộng hòe » với chữ « mộng hùng » cùng là điềm sinh con trai, nhưng có phân-biệt :

Mộng hòe là điềm sinh con trai, nhưng con trai làm nên quý hiển tức là ý hạn định (sens déterminatif).

Mộng hùng cũng là điềm sinh con trai, nhưng bất luận là làm thường hay quý hiển tức là nghĩa phổ thông (sens général).

Chữ « mộng hùng » thì ai cũng dùng được nhà quý hay tiện như câu : *Từ nay nhứt nhứt thể thường : Ai ơi xin chớ ngấm chương mộng hùng* của cụ Cao Bá Nhạ, có ý thiết tha nói, nếu sinh con trai mà không nên công cán gì, thì thà đừng sinh ra nữa.

Đến như chữ « mộng hòe » chỉ dùng vào những nhà có con quý hiển.

Vì thế, tôi thấy ông Phan-Hàn-Khanh, tác-giả quyển « Sự tích đức Thánh Trần » đã dùng chữ « mộng-hòe » có chủ ý như tôi giải ở trên, chứ nếu không dụng tâm đặt chữ theo qui tắc, thì tác-giả còn lại hai chữ « giấc-hòe » mà lại cầu kỳ tìm dùng chữ « mộng hòe » để đến nỗi ông Lê-Văn phải thắc-mắc.

Nem thế, đủ biết tác-giả « Sự tích đức Thánh Trần » là một nhà túc nho, hành-văn có qui-cử.

Trong bài ông Lê văn, ông lại nói :

« Do đó mà ngày nay, nói đến giấc ngủ mơ màng người ta thường dùng điển nói bóng là Nam kha như trong Cung-oán ngâm khúc : *Giấc Nam-kha khéo bất bình.* »

Cũng có khi nói là « giấc hòe » như trong Kiều :

Tiếng sen sẽ động giấc hòe. »

Như trên, thì ông Lê-văn cho giấc Nam kha, giấc hòe là giấc ngủ mơ-màng. Thế thì sai.

Theo cách hành-văn và dụng-tự của các cụ tiền nho, tôi lẽ nhận thấy mỗi chữ có một nghĩa riêng, nếu ta chịu khó xét nhận kỹ càng.

Chữ « giấc Nam-kha » ông Lê-văn dẫn điển Hòe an mộng mà ông không lẽ nhận đến cùng.

Theo thiên kiến tôi, chữ « giấc Nam kha » dùng nghĩa đen là một giấc ngủ mơ thấy công danh phú quý. Vì thế, nên các nhà văn đem dùng vào nghĩa bóng nơi các cuộc công danh ở trên đời, ngụ ý cũng như giấc mộng tan ngay không có gì là trường cửu. Nên trong *Cung oán ngâm khúc* có câu :

*Giấc Nam-kha khéo bất bình
Bằng con mắt giập thấy mình
tay không !*

Tại là Cung-phi, mới dùng chữ « Nam kha » và tại có chữ « Nam kha », dưới mới có câu « thấy mình tay không », là có ý nói công danh vinh hiển cũng chẳng ra gì.

Đến như chữ « giấc hòe » có thể dùng hai nghĩa : Một nghĩa nói về công danh phú quý như chữ Nam kha ; một nghĩa như chữ giấc hòe, giấc ngủ của giai nhân và nói cho đẹp lời, nên cụ Nguyễn Du mới viết :

*Tiếng sen sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần.*

Trên có chữ « sen », là hoa sen, nên dưới dùng chữ « hòe » cho đẹp lời, chứ chữ *giấc hòe* ở trong *Truyện Kiều* mà ép vào điển Hòe-an mộng thì thật tôi không dám chịu.

Nhân nói đến chữ *giấc*, tôi xin kê luôn ra đây thêm những chữ *giấc* có phân-biệt : (5)

Giấc bướm — cũng như « giấc điệp » :

*Vì trước án mê say giấc bướm, lặng
qua năm trống biếng chơi bời
Thì dầu non phứt chốc lẫn gương
loan, cách quãng một năm
càng ầy ầy*

Vô danh

(Trung thu thưởng nguyệt phú)

Giấc có miên — Giấc ngủ một mình, thường dùng để nói người đàn bà góa hay đàn bà xa chồng : *Đêm khuya vắng vẻ giấc cô miên
Một tấm lòng quê, một bóng đèn.*

(Huỳnh Am Ng Vô Cầu)

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê

của Nam-Cao giá 2\$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút danh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu đáo, các bạn đều nên có cuốn *Nửa đêm của Nam Cao*.

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết

của Ngô-Hòa giá 0\$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân

của Thế-Hưng giá 0\$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 Rue Takou — Hanoi

Lạnh lùng thay giấc cổ miên
Mùi hương tịch tịch, ngọn đèn
thấm ư !
(Cung oán)

Giấc điệp — dịch chữ « mộng điệp », tức là giấc ngủ do tịch, Trang-Chu ngày xưa nằm mơ thấy : mình hóa ra bướm.

Chàng rằng : giấc điệp vừa say,
Dạo con nàng bỗng cảm tay gần kề.
(Quau ăn)

Giấc hành môn — Giấc ngủ của người ăn dật :
Cùng nhau một giấc hành môn
Lau nhau riu rít cò con cũng tình
(Cung oán)

Giấc hoa — do câu : Hải-đường thụ vị túc da ? (nghĩa là hoa Hải-đường kia ngủ chưa đủ giấc du ?) Ấy là nhờ vua Đ-rông-minh-hoàng nội khi vào cung thấy Dương Quý-phi còn ngủ. Các nhà văn sau thường dùng để tả giấc ngủ của người đàn bà.

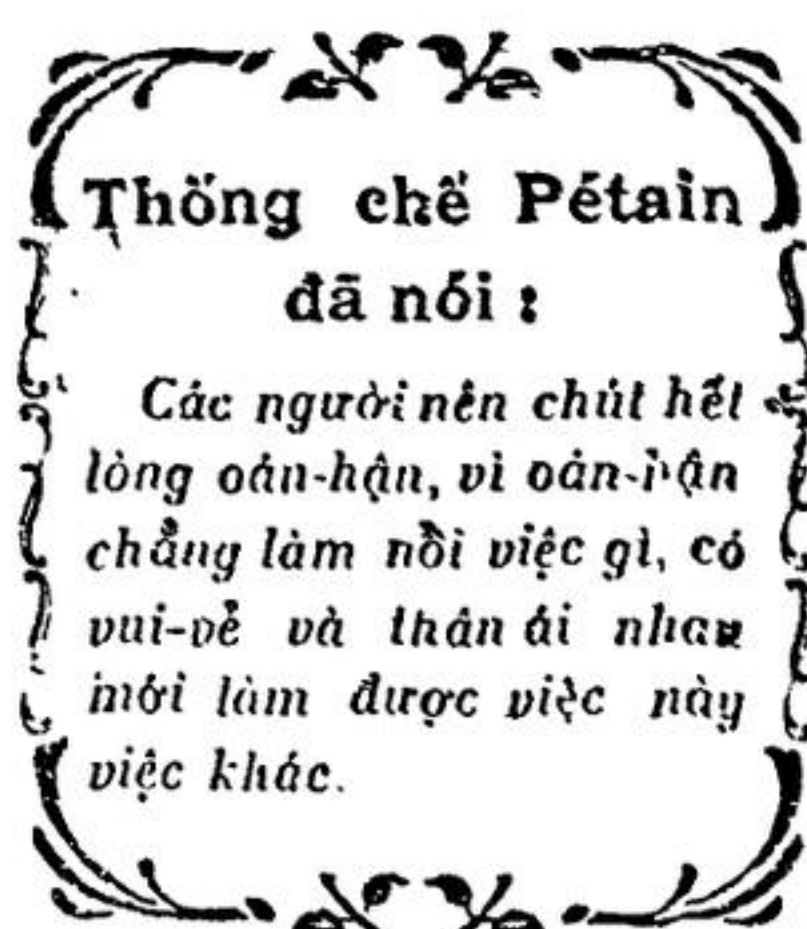
Đang khi mơ mẩn giấc hoa
Chánh cung chợt thấy sao sa cửa
rồng
(Hoàng trưn)

Giấc hoàng lương — Xem chữ « giấc kê vàng ».
Thiếu tử vạn chung đành sẵn có
Giấc hoàng-lương chợt tỉnh thấy đầu
nào.
Thấy người vẫn ngỡ chiêm bao.
(Vô danh)

Giấc Hồ — Cũng như chữ « giấc điệp » :
Giấc hồ nửa gối mơ màng
Chiến đấu đã lọt liếng chuồng mái
đầu
(Hoa Tiên)

Giấc hương quan — giấc ngủ mơ nhớ nhà :
Mỗi tình đôi đoạn vô tơ.
Giấc hương quan luống lẫn mơ canh
đài.
(Kiều)

Giấc mai — Cũng như « Hồn mai » tả về sự gặp-gỡ đàn bà đẹp, hay giấc ngủ của người con gái :



Giật mình thoát tỉnh giấc mai
Bằng khuôn nào đã biết ai mà nhìn.
(Kiều)

Giấc kê vàng — dịch chữ « Hoàng lương mộng » :
Giấu sang thăm thoát giấc kê vàng
(Vô danh)

Giấc nồng — giấc ngủ say :
Vực nàng tạm xuống môn phòng.
Hãy còn thêm thiếp giấc nồng chưa
phai
(Kiều)

Giấc phần du — cũng như « Giấc hương quan » nhớ nhà nhớ quê :
Chung tình hai chữ khen ai đặt
Một giấc phần du tỉnh lại say.

Giấc tiên — giấc ngủ của đàn bà, dùng nói cho đẹp lời :
Nàng thì bản-bật giấc tiên,
Mẹ thì cầm cặp, mắt nhìn hồn bay.
(Kiều)

Giấc vàng — giấc ngủ ngon quý như vàng hay giấc ngủ của con gái đẹp, dùng cho đẹp lời (chữ « giấc vàng » cổ thể dùng cả về đàn ông và đàn bà) :
Chưa liền sức lĩnh giấc vàng,
Mảng rảng mơ mẩn hơi nánh Xuân
Hoa
(Hoàng Trưn)

Giấc xuân — dịch chữ « xuân miên », nghĩa là giấc ngủ êm ái như ngày xuân, thường dùng để nói giấc ngủ của người con gái :

Tháng-Vân sức tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến án-cầm hồi-hàn.
(Kiều)
(còn nữa)
LONG-ĐIỀN

1) Muốn cho tiếng Annam giữa — Phụ nữ tân văn số 21, 10-9-1929
Chữ Quốc-ngữ ở Nam kỳ với tiếng lực — Phụ nữ tân văn số 28, 7-11 1929.
Văn đề viết chữ quốc ngữ cho đúng — Phụ nữ tân văn số 34, 26 12 1929.

Văn đề thống nhất tiếng Việt nam — Phụ nữ tân văn số 37, 16 1 30.
Đình chính những chữ mà người ta hay dùng sai — Phụ nữ tân văn số 43, 13-3 30.

Người Việt nam phải viết quốc ngữ cho đúng, dùng danh từ cho đúng — Phụ nữ tân văn số 56 12 6 30
Đình chánh lại cách xưng tên của người Việt Nam — Phụ nữ tân văn số 58, 26 6 30.

Một điều trông cậy ở các nhà giáo — Phụ nữ tân văn số 62, 24 7 30
Soát lại mấy cái danh từ người mình thường dùng — Phụ nữ tân văn số 69, 11-9 30.

Về cái ý kiến lập hội « chấn hưng quốc học của ông Phạm Quỳnh — Phụ nữ số 70, 18 9 30.
Phép làm văn — Phụ nữ số 71, 72, 73 76 77.

Cải quan niệm sai lầm của quốc dân ta đối với sự học sự viết chữ quốc ngữ — Phụ nữ số 81, 11 12 30.

2) Người Nam cần phải viết đúng tiếng Nam — Tri Tân số 36, 11-3-43.
Cho tiếng ta được phong-phú và thuần túy — Tri Tân số 90, 8 4-43.
Một vài nhận xét — Tri Tân số 117, 21 10-43.

3) Sự tích đức thánh Trần tấn truyện — Phan Hàn Khanh soạn in nhà in Mạc đình Tư 1914

4) Xin xem tra nghĩa chữ nho của cụ Ứng hộc Nguyễn văn Tổ Tri Tân số 58, 5-8 1942.

5) Văn liệu Từ Điển của Long Điền Nguyễn văn Minh, Quảng vạc Thành Hanoi — Hảiphong xuất bản.

ĐỀN TAM-TRUNG

(Tiếp theo trang 5)

Làm con nhứt nguyên đền
 dưỡng dục,
 Chử trong liệp thọ chút mù g
 lòng!
 Lia xa đường trường ngàn
 dặm thăm,
 Con thơ, vợ yếm máu-nương
 cùng!
 Giữ thành một tháng ba ngày
 lễ,
 Phận tôi sức hết khó đột xung.
 Ta không giữ được toàn đất
 nước,
 Ta nguyện một thác vì non
 sông!
 Mờ mịt vừng mây doanh sản
 khuyết.
 Tình khôn xiết kẻ luôn trông
 móng,

2.) Bài văn thành phục tế quan
 An-sát Cao-bằng Phạm-Trạc tử
 tiết.

(Rút trong « Nhấn trai văn
 tập », quyền nhứt, của ông Lê-
 Hoàng, nguyên giáo thọ phủ Tiên-
 hưng, triều Minh-Mạc, đỗ cử nhơn
 đồng khoa với Phạm-Trạc).

Hỡi ôi ! Cha (2) mất cách đây
 mấy tháng, ngày nay con mới
 được hay. Bình triều chưa đến
 đường sá xa xuôi cách trở,
 có nghe đồn cũng không tin
 chắc được. Nhơn ngày tháng
 này, có lệnh trên Bộ Hộ ân truất
 tiền vua, mới biết rõ tin cha
 mất là xác thực. Tuy ngày
 tháng chưa tính tường, nguyên
 do chưa rõ thấu ; nhưng được
 tin buồn, tất phải làm lễ thành
 phục.

Hỡi ôi ! Cha xuất thân nhà
 khoa mục, trước kia làm quan
 lời chức Lang-trung, sau bỏ ra

làm An-sát-sứ tỉnh Cao bằng,
 chưa được tám tháng, có bọn
 cướp thồ xuẩn động. Từ đó
 không còn tiếp được âm thơ
 của cha nữa. Bỗng nghe tin
 dữ, dò hỏi mấy người ở Cao-
 bằng tới đây đều nói rằng :
 cha cùng với quan Bó-chánh
 đến ngày nay, đối với giặc, vẫn
 bẻ thành cổ thủ. hết sức đương
 cự, chỉ còn kể chết đề tròn
 chức vụ kẻ giữ thành. Việc ấy
 thế nào đã có công luận phẩm
 bính, con còn nói làm sao nữa?

Nhưng sở dĩ đều đáng đau
 đớn là ông nội, bà nội tuổi cao
 sức mòn, phận con thơ ấu đại
 khờ làm sao thay thế cha lo
 kham việc phụng dưỡng ông
 bà. Suốt làm năm dài dằng
 đẳng, ông bà mất mòn đáo đáo
 trông con, cảnh ngoài xa ngàn
 dặm, những hình sắc nói cười
 chỉ có nhận thấy trong bức thơ
 về, trong dòng chữ viết ! Kia
 mới mùa xuân rồi đây, nhơn
 cha vàng mạng đi trấn Cao-
 bằng, hôm ấy cha con, ông bà
 con cháu được đoàn tụ một
 phen. Cái mộng vui chưa được
 tỉnh, nào hay ngày ấy là
 ngày vĩnh quyết ! Cuộc hoan
 hiệp có bao lâu, mà nẻo biệt
 ly vô cùng vậy !

Trời có bố hóa cho cha được
 vẹn tròn tiết nghĩa, mà nữ nào
 đoạt phần bảo học của con đây,
 đoạt mối yều đương của tồ phụ
 tồ mẫu. Cha mất đã yên phận
 đó, kẻ còn đây mới liệu làm
 sao ?

Hỡi ôi ! Quan san cách trở,
 hồn phách yếm nơi, mẹ, em
 khổn khổn, tin thực chưa tường
 (3), thắm thắm trời xanh, bao
 giờ yên được !

Tuy nhiên cha sống thời ân
 nghĩa nặng, cha thác lại vẹn
 chữ trung thành. Cái khi hao-
 nhiên lan khắp cùng vũ trụ,
 thời việc chết, việc sống của
 cha nào có khác nhau chi đó.

Nhà cũ ở thành Nam, lúc ranh
 thời cha từng tụ hội nơi đó.
 Nay nhờ lỗ phụ mẫu bày lễ
 chiêu hồn, cầu nguyện hồn cha
 trở về cố quán.

3.) Bài hát nói vịnh ba vì tử tiết
 của ông Tuyết - trang Trần-văn-
 Ngoạn (đã đăng trong Tạp-chí Nam-
 phong số 7, năm 1918)

« Tật phong hàn tửế phàn kiên
 nuy,
 « Thái lĩnh hồng mao đằng
 trọng khinh (4)
 « Khả khen người chống giữ
 có thành,
 « Vì ân nặng phải lấy mình
 làm nhẹ.

Đã có bản

LY TAO

(Một trong lục tài tử của Tào)

Tập thơ bất hủ của Khuất
 Nguyên người mà tới nay ta
 còn nhớ giỗ là Tết mồng 5
 tháng 5.

Bản dịch của Nhược Tống
 Sách dày 136 trang khổ 17-23
 Bìa litho 5 màu — Giá 6 \$ 00

Sắp có bản

TRIẾT HỌC
ARISTOTE

của NG. ANH NGHĨA

Một trong những công trình
 vĩ đại nhất của tư tưởng
 nhân loại gồm cả triết học,
 khoa học, luân lý, chính trị,
 luận lý.

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
 29, Lamblot — Hanoi

« Dù thắng thốt thung dung
thời mặt thể,
« Song cũng liều tiết đá với
gan vàng.
« Miếu Tam trung nghi-ngủ
khỏi hương,
« Dấu thơm để làm gương
thiên cổ.
« Nhân sinh tự cổ thù vô tử,
« Lưu thư đơn táp chiếu hân
thanh (5)
Mượn lời xưa mà vịnh kẻ
trung trinh.
Mừng thể đạo đã gây nên khí
liệt,
Cột trời đất dựng nền Nam-
Việt,
Đem tánh danh mà ghi với
sắt son.
Nam nhi lĩnh cuộc vương trôn »
4) Rốt sau người nay có mấy
bài vịnh « Tam trung » :
Gương nêu thiên cổ miếu Tam
trung,
Tiết nghĩa Rồng Tiên khiếp
giặc Nùng.
Lương tuyết không nao gan
tuấn kiệt,
Liều mình vì nước Bắc, Nam,
Trung !

Trọng trách phong cương cổ
giữ tròn,

Cùng thành đồng thệ mặt hay
còn ;
Thà cam tử tiết đền quân quốc
Nguyễn trái non sông ba tấm
son !

« Non sông chung đức khí anh
hùng,
« Một khối tinh trung giống
Lạc Hồng.
Nhiệt huyết « ba kỳ » nhuần
đất Việt.
« Gương nêu thiên cổ miếu
Tam trung ! »
TRÚC-TÂN

2) Lê Hoàng liên sanh soạn bài
văn này thay cho con Phạm-Trạc.

3) Lê thành phục này làm tại Nam
định, cha mẹ và con trưởng của
Phạm-Trạc ở lại đó. Theo câu trên
nếu không lầm, thì Phạm pha-nhơn
và con bé ở tại Hải dương. Theo
Liệt truyện, con của Đình-Trạc là
Đình-Nghị sau làm Tri phủ Trọng-
Khanh.

4) — Gió to, năm lạnh phân biệt
được bền chắc với yểu hèn, uon
Thái với lòng hồng rõ hạng nặng,
hạng nhẹ.

5) Người đời từ xưa ai lại không
chết, chết còn lưu lại tấm lòng son
chói rạng trong sử xanh. (Lời văn
thiên Tường trông Chánh khi ca).

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được:

1) Vũ ngọc Phan: Trên
đường nghệ thuật — nhà xuất
bản Hanoi — giá 3\$ — sách in
đẹp, trình bày mỹ thuật

2) Thanh Tịnh: Ngậm ngải
tìm trầm — Thời Đại xuất bản —
giá 2\$ — bla in 2 màu - nhiều
truyện ngắn đặc sắc-văn viết nhẹ
nhàng và sáng sủa.

Xin giới thiệu với các bạn đọc
và cảm ơn hai nhà xuất bản

Tri Tân

Lê-Quỳnh

(Tiếp theo trang 17)

Năm Gia Long thứ ba (1804),
qua Thanh cho phép đem bài cốt
vua Lê cũ và các bầy tôi tông vong
về cố-quốc. Bốn ông ấy (?) đều
được giữ nguyên vẹn cả tóc mà
về. Ông nội tôi phụng đem bài cốt
Tả-ai-hậu Nguyễn phi, Nguyễn-tử về
táng ở Thanh Hóa

Ông nội tôi thường đi chơi chùa
Đại-dồng ở huyện nhà và có thơ :
Phật tổ đi lai sơ đệ tử,
Hoàng thiên hứa tác cựu nhân
nhân.

Dịch :

Con Phật ngày xưa sót lại,
Người nhân Trời Cả ban cho.

Vừa thường thờ và ngậm vịnh
tùng cúc được một năm, đến ngày
16 tháng chín năm Ất Sửu, niên hiệu
Gia Long thứ tư (1805), ông tôi
mệnh chung, thọ 56 tuổi, mông ơn
nhà vua được rất ưu hậu, táng lại
địa phận xóm nhà, xứ Đồng vật,
lọạ Quý, hương đình.

Ông tôi sinh hạ được ba chi :
Tổ này là con trưởng của ông Doãn
Tuất chi thứ hai nhớ lại hành trạng
của ông nội tôi đã chép ở trong
Bắc-hành tụng ký, nay kinh thuật
đại khái ra đây để ghi vào bia đá.

(còn nữa)

TIÊN-ĐAM

(1) Siêu lĩnh hầu Lê doãn Trị, là
anh em thúc bá với Lê Quỳnh, sinh
năm Cảnh hưng Mậu-dần (1767), là
con thứ năm Cụ Tiến sĩ khon Mậu-
thìn (1757), Lạng sơn đốc trấn Tá-
xuyến - hầu. Năm Chiêu - Thống
nguyên-niên (1787, có quân công,
được phong Siêng-lĩnh bá; về sau,
phò giá Thái hậu, Nguyễn-tử sang
đến Nam-ninh, được phong tước hầu.
Ba năm sau nhà Lê mất, ông theo
Trưởng phát hầu Lê Quỳnh, ở Tàu
16 năm, không chịu cắt tóc, sau cũng
theo ngọc côi vua Lê về nước, mất
năm Gia-long thứ 10 (1811), thọ 34
tuổi. Mộ táng ở phía Tây nam mộ
Trưởng phát hầu Lê Quỳnh

NHÀ GIỒNG RĂNG Đỗ Ngọc-Giao

173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng
dẫn, và làm cần thận hơn
hết — Công việc, làm nhanh
chóng và có bảo đảm.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VỎ

Số 18

CHU-THIÊN

Đoàn công-tử mừng quá, chăm chú nhìn nàng và biết nàng thừa rõ chàng hay đi chơi những đâu rồi, nên vui cười đáp:

— Thừa nương tử, tôi mãi đi xem ngắm non núi rừng cây quanh đây, nên không được hân-hạnh, thừa tiếp nương tử, ồng quá!

Kim-Vân công chúa cười nói tiếp:

— Công-tử quý mến đất vùng em quá như vậy!

Thịnh-Nguyên đỡ lời:

— Phong cảnh đẹp như thế này, núi non liên tiếp, cây cỏ xanh tươi, giòng sông nước bạc, cánh đồng bao la, đã bằm sinh ra những bậc kỳ-tài như em là một, bảo anh em chúng tôi không quý mến làm sao được.

Kim-Vân vui cười chưa kịp nói, công-tử Đoàn-Vân đã vui vẻ ân cần mời:

— Rước chị vào chơi trong lâu với chúng tôi đã.

Kim-Vân từ chối.

— Tôi phải về bên điện bận việc.

Đoàn-Vân hỏi dồn ngay.

— Sao mấy ngày nay, chị không sang chơi.

Kim-Vân trở mặt nhìn, thản nhiên đáp:

— Em sang chơi mấy bận, các anh đều mãi đi náo du sơn thủy vắng cả.

Đoàn-Vân tức nổi:

— Nhưng mấy hôm trước kia cơ mà?

Kim-Vân ngập ngừng dè dàng đáp:

— À, thưa anh, mấy hôm ấy, em bận việc bên điện, Vả...

Nàng ngập ngừng, Đoàn công-tử vội hỏi ngay:

— Vả... sao?

Nàng tươi cười và thẳng-thắn đáp:

— Vả... Phụ-hoàng em bảo anh đã vui vẻ rồi, con gái lớn ở gần luôn với con gái không tiện, nam nữ thụ thụ bất thân!

Đoàn-Vân gượng cười nói:

— À ra vì thế,

Công-tử Thịnh-Nguyên tiếp:

— Nguyễn-hoàng nghĩ xa thế cũng phải, càng giữ tiếng cho ta.

Đoàn công-tử không để ý đến câu nói ấy, chàng đương mãi băn khoăn về bức rào ngăn cản giữa chàng và Kim-Vân công-chúa. Càng nghĩ chàng thêm bồn-chồn mãi bây giờ chàng mới cảm thấy cái tình giai gái mới rõ rệt trong lòng chàng. Trước kia tuy ngờ nhưng, chàng cũng chưa dám bối lòng, chàng chỉ lơ-mờ thấy như mình vắng một người bạn chí thân, như vắng Thịnh-Nguyên chẳng hạn. Nhưng bây giờ, chàng mới rõ là mình nhớ Kim-Vân, không phải là nhớ bạn mà thôi, lại hơn thế

nữa là nhớ một người con gái, một người tình nhân. Chàng thở dài, tự buồn cho mình, tự trách mình, cố xua đuổi cái ý nghĩ ấy đi, nhưng nào có được nữa. Kim-Vân công-chúa vẫn quanh quẩn trong tim óc chàng, và chàng thêm giật mình, khi nghe thấy tiếng nàng:

— Mai, các anh có đi lên núi nữa, cho em đi với. Thôi chào các anh, em về đây.

Đoàn công-tử không kịp giữ và quên cả chào, chỉ kịp nói:

— Ừ! Mai chị đi nhé! Đi sớm cho mát.

Nhưng sáng hôm sau, Đoàn công-tử đợi mãi không thấy Kim-Vân công-chúa sang. Chàng giậy sớm, cùng với công-tử Thịnh-nguyên sửa soạn xong đã từ lâu, mà trông ra ngoài phía cổng mãi không thấy thấp thoáng bóng lông trời hện. Chàng sốt ruột lắm. Tuy vậy, chàng cũng không dám sang đủ, chàng chỉ âm-thầm ngồi đợi. Đến quá nửa buổi, chàng mới cùng công-tử Thịnh-Nguyên lên ngựa lại đi chơi núi Lạn-Kha, thăm chùa Vạn-Phúc. Giời trong, đẹp, cái nắng đầu hè chưa gắt lắm, lại thêm cái hương lúa chín dưới cánh đồng hòa với làn hương thơm bốc từ nhụy cây hoa lá trong rừng, núi mà cơn gió nhẹ đã đưa thoảng tới, khách du ngoạn nhẽ phải say-sưa thưởng ngoạn.

chỉ vì thiếu một bạn đã hẹn cùng đi nên công-tử chẳng cần la-cá, ngấm bửong chỉ cho làm ấy thế mà thỉnh thoảng chàng phải dừng lại giữa đường để trông ngảnh về nơi cung điện trông xem có thấy bạn vắng đi theo, Nhưng không vẫn lo lắng không. Hai chàng lại đứng định đi. Đến nơi đã gần trưa, và ánh nắng đã hơi gắt, hai chàng thấy nóng bức vì đi nhiều, liền vào chùa Vạn-Phúc nghỉ, thả lỏng ngựa cho chạy rong dưới chân núi. Vào đến chùa, thấy một con ngựa bạch quen buộc dưới gốc cây thông, công-tử Đoàn Văn chợt nhớ ra điều gì, vội chạy lên nhà thờ, hỏi sư trụ-trì :

— Bạch sư, ngựa ai vắng cảnh buộc dưới gốc cây kia mà không thấy người ?

Vị sư nhìn hai chàng vội chấp tay cung-kính đáp :

— A di-đà-Phật ! Bẩm lại công-tử, đây là ngựa của công - chúa vừa tới thăm đấy ạ.

Đoàn Văn vui mừng hỏi :

— Kim Vân công-chúa mới đến bay đến đã lâu ?

— Dạ, bẩm công-tử, người đến từ buổi sáng !

— Giờ công chúa đâu ?

— Dạ, bẩm, người lên núi rồi !

— Lên núi từ buổi chưa xuống ?

— Dạ, bẩm, người lễ Phật, nghe đàn tụng kinh một lúc, rồi mới lên núi, chắc chưa xuống ngay.

— Được, thôi chào sư.

— A di-đà-Phật, bái tạ hai công-tử.

Rồi hai chàng vội vã lên núi. Lách qua những cây cảnh lá um tùm, leo qua những tảng đá nhỏ trên sườn núi, Đoàn Văn đi rất

nhau nhẹn. Thỉnh-Nguyên lắm lúc theo không kịp. Lên đến gần đỉnh núi, hai chàng còn đương mon men, chợt thấy đánh bộp một cái, một quả vải chín rơi xuống đầu Đoàn Văn, rồi này xuống một hòn đá, bắn lại đằng sau Thỉnh-Nguyên nhất dợc đưa cho Đoàn Văn. Chàng cầm lấy ngắm nhìn quanh thấy một con chim to đang vỗ cánh bay lượn quanh cái cành cây rậm-rạp, chàng tức mình cầm quả vải ném theo, miệng lầm bầm :

— Rõ oái oăm ! Làm mình cứ tưởng người !

Rồi thuận tay, chàng đương cung bắn theo lên phía ngược luôn mấy phát, con chim sợ vỗ cánh thật mạnh bay tít về đằng xa. Như điên, chàng vẫn bắn hoài. Bỗng có tiếng kêu lanh lảnh đưa lại :

— Có người dừng bắn nữa !

Nghe tiếng quen, Đoàn Văn nhận ngay ra Kim-Vân, liền quàng cung lại cho Thỉnh-Nguyên, và vội vàng tiến ngược lên phía bắc. Vừa đi được mấy bước, Kim Vân công-chúa đã hiện ra giữa đám hoa lá xanh tươi, rực-rỡ như một vị tiên-cô. Nàng tươi cười hỏi :

— Sao anh bắn dữ thế ?

Đoàn Văn cũng hỏi :

— Sao chị lại đi một mình trước chúng tôi ?

Kim-Vân cười đáp :

— Tại anh dặn em đi sớm kia mà !

Thỉnh-Nguyên cũng vừa đến nơi nói thông-vào :

— Chị làm chúng tôi chờ mãi sốt cả ruột. Buồn quá chúng tôi mới lại đứng định rá đây, thì ra chị lại đến trước.

Đoàn Văn liền cười nói.

— Thời tiết thế này, Ta lên đây

thông trên đỉnh núi này ngồi chơi.

Ba người lại đều thoát bước lên. Kim-Vân vừa cười vừa vội :

— Em đã lên ngồi trên rẫy thông đợi các anh mãi. Thấy bóng người thấp thoáng em biết là các anh nên vội ra đón.

Ba người lên đến rẫy thông. Đoàn Văn bảo Kim-Vân ngồi xuống tảng đá nhẵn thín, Thỉnh-Nguyên đứng tựa dới gốc cây. Thông reo vù vù trên cao vội giữa không trung như một khúc nhạc vừa hòa tấu. Trước cảnh bao la núi cao giới rộng, đồi bùn như xiết cơn cồn trăn, mà riêng đây là liên giới, hai người dần dần ngồi gần lại nhau nói chuyện với một niềm thân mật kính trọng những giờ khắc vui tươi trong sạch của bạn, Thỉnh-Nguyên lắng xa dần, quay-quần dưới giăng thông. Hai bạn mãi vui bàn bạc đến quên cả giờ đất. Chợt tiếng động từ phía trên vụt xuống như tiếng động của thú dữ vượt qua. Hai người vội sửng sốt nhìn lên hoảng-hốt thấy Chương-Võ hoàng-đế đã tiến lại gần đến nơi, vẻ mặt đầy nghiêm-nghi, giáng đi cực kỳ quả quyết. Hai người vội cùng đứng lên, rời xa nhau và đợi mệnh. Ngài đến hơi, chừng mắt nhìn hai người, trong khi họ thì lễ lạy chào, im lặng và ra vẻ giận dữ nhìn, chừng đủ cho họ sợ rồi, ngài mới lên tiếng đích đặc hỏi :

— Sao các con lại gặt nhau lên chơi chỗ vắng vẻ thế này ?

Kim-Vân công-chúa bạo dạn cãi :

— Thưa cha, có cả công-tử Thỉnh-Nguyên nữa đấy ạ !

(Còn nữa)

CỤM THIẾT

Thư-xã Alexandre de Rhodes
MỚI XUẤT BẢN

LÊN TÂM

của TAN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-dọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà đề dạy những trẻ em; được học và được vui - thích.

bản thường... 1\$50 cước 0\$40

bản giấy Đại La... 6.00 — 0.50

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Sắp có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

- Nguyễn Công Trứ và đẳng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào.
- Cối rế xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn Công Trứ.
- Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trứ có mâu thuẫn với chí Nam nhi của ông không?

Đã có bán

KINH TẾ HỌC

phổ thông

của NGUYỄN HẢI AU — giá 3\$50

HÀN THUYỀN

71 Tiên Tsin — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết, thầy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

- Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
- Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Thư và ngân-phiếu đề cho:

Ô. ĐINH-VÂN-TUỆ

32 Phố Riquier — Hanoi